

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3607/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 27 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ ngành Thông tin và Truyền thông
thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành
chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số
3912/TTr-STTTT ngày 19 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 44 thủ tục hành chính (TTHC)
nội bộ ngành Thông tin và Truyền thông thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà
nước của tỉnh Đồng Nai.

(Danh mục, nội dung thủ tục hành chính nội bộ ngành Thông tin và Truyền
thông kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, bãi bỏ 14 TTHC
nội bộ Ngành Thông tin và Truyền thông, được ban hành tại Quyết định số Quyết
định số 1643/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân
tỉnh Đồng Nai về việc công bố bổ sung thủ tục hành chính nội bộ trong tỉnh Đồng
Nai thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngành Thông tin và Truyền thông.

Trường hợp thủ tục hành chính nội bộ công bố tại Quyết định này đã được
cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc
bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 3. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp các sở, ban
ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị liên quan có trách nhiệm:

1. Tổ chức triển khai niêm yết, công khai TTHC nội bộ tại trụ sở làm việc,
trên Trang thông tin điện tử của đơn vị, địa phương; triển khai quán triệt thực hiện
tiếp nhận và xử lý hồ sơ theo trình tự, thời gian và nội dung thuộc thẩm quyền giải
quyết cho cá nhân, tổ chức theo quy định.

2. Triển khai rà soát đảm bảo tỷ lệ 100% TTHC nội bộ thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý chuyên ngành của đơn vị, địa phương được đánh giá, đề xuất đơn giản hóa, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông, các Bộ, ngành Trung ương phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ thuộc thẩm quyền theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Thường xuyên theo dõi, cập nhật các quy định có liên quan đến nội dung TTHC nội bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý ngành để phối hợp đơn vị, địa phương liên quan tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung TTHC nội bộ theo thẩm quyền.

Điều 4. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Công thông tin điện tử tỉnh) có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông cập nhật công khai TTHC nội bộ đã được công bố lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, THNC, HCTC, Cổng TTĐT tỉnh, HCC.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Sơn Hùng



ĐANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ NGÀNH THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA TỈNH ĐỒNG NAI

Phần I

1

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3607 /QĐ-UBND ngày 27 /11 /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

Stt	Tên TTHC	Thẩm quyền giải quyết	Văn bản quy định thủ tục hành chính nội bộ	Trang
I. LĨNH VỰC AN TOÀN THÔNG TIN				
1	Phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin đối với hệ thống thông tin được đề xuất cấp độ 3	Sở Thông tin và Truyền thông.	- Luật An toàn thông tin; - Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; - Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11930:2017 về công nghệ thông tin - các kỹ thuật an toàn - yêu cầu cơ bản về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; - Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.	1
2	Phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin đối với hệ thống thông tin được đề xuất cấp độ 1 và cấp độ 2	Sở Thông tin và Truyền thông	- Luật An toàn thông tin; - Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; - Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11930:2017 về công nghệ thông tin - các kỹ thuật an toàn - yêu cầu cơ bản về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; - Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.	3
3	Thẩm định hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống	Sở Thông tin và Truyền thông	- Luật An toàn thông tin; - Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;	7

	thông tin đối với hệ thống thông tin được đề xuất cấp độ 3		- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11930:2017 về công nghệ thông tin - các kỹ thuật an toàn - yêu cầu cơ bản về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; - Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.	
4	Xác định lần đầu cấp độ đối với hệ thống thông tin cấp độ 4; xác định lại cấp độ đối với hệ thống thông tin đã được phê duyệt cấp độ 4	Sở Thông tin và Truyền thông.	- Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; - Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; - Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11930:2017 về công nghệ thông tin - các kỹ thuật an toàn - yêu cầu cơ bản về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.	9
5	Ứng cứu xử lý sự cố an toàn thông tin của các hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu (HTTT/CSDL) do tỉnh quản lý	Sở Thông tin và Truyền thông	- Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg ngày 16/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về hệ thống phương án ứng cứu khẩn cấp bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia; - Thông tư số 20/2017/TT-BTTTT ngày 12/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về điều phối, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trên toàn quốc.	13
II.	LĨNH VỰC CHUYỂN ĐỔI SỐ			16
6	Thẩm định thiết kế cơ sở (trường hợp thiết kế 2 bước), thiết kế chi tiết (trường hợp thiết kế 1 bước) dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin nhóm B	Sở Thông tin và Truyền thông	Khoản 3 Điều 20, Điều 21 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước	16

7	Thẩm định thiết kế cơ sở (trường hợp thiết kế 2 bước), thiết kế chi tiết (trường hợp thiết kế 1 bước) dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin nhóm C	Sở Thông tin và Truyền thông	Khoản 3 Điều 20, Điều 21 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước	17
8	Thẩm định kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin	Đơn vị được người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch thuê dịch vụ CNTT giao nhiệm vụ thẩm định	Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.	19
9	Cấp phát, cập nhật các tài khoản truy cập vào hệ thống thông tin/Cơ sở dữ liệu (HTTT/CSDL) do tỉnh quản lý	Sở Thông tin và Truyền thông		21
10	Thu hồi các tài khoản truy cập vào hệ thống thông tin/ Cơ sở dữ liệu (HTTT/CSDL) do tỉnh quản lý	Sở Thông tin và Truyền thông		22
11	Cấp mới hợp thư công vụ cho cán	Sở Thông tin và Truyền thông	Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 04/4/2014 của UBND về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về tổ chức, quản lý và sử dụng hợp	23

	bộ, công chức, viên chức		thư điện tử trong các cơ quan nhà nước của tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 70/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009.	
12	Cấp lại mật khẩu hộp thư điện tử công vụ	Sở Thông tin và Truyền thông	Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 04/4/2014 của UBND về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về tổ chức, quản lý và sử dụng hộp thư điện tử trong các cơ quan nhà nước của tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 70/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009.	24
III. LĨNH VỰC TỔ CHỨC CÁN BỘ				
13	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin lên chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin hạng III	Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp	- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin.	24
14	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin lên chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin hạng II	Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp	- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin.	27
15	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin lên chức	Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền	- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;	30

	đanh nghề nghiệp công nghệ thông tin hạng I	việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp	- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin.	
16	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành an toàn thông tin lên chức danh nghề nghiệp an toàn thông tin hạng III	Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp	- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin.	33
17	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành an toàn thông tin lên chức danh nghề nghiệp an toàn thông tin hạng II	Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp	- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin.	35
18	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành an toàn thông tin lên chức danh nghề nghiệp	Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp	- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;	38

	an toàn thông tin hạng I		- Thông tư số 13/2022/TT-BTTTT ngày 26/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức biên tập viên, phóng viên, biên dịch viên, đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông. - Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 13/2022/TT-BTTTT ngày 26/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức biên tập viên, phóng viên, biên dịch viên, đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông.	41
19	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành biên tập viên lên chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng II	Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp	- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 13/2022/TT-BTTTT ngày 26/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức biên tập viên, phóng viên, biên dịch viên, đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông.	44
20	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành biên tập viên lên chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng I	Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp	- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 13/2022/TT-BTTTT ngày 26/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức biên tập viên, phóng viên, biên dịch viên, đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông.	47
21	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành phóng viên lên chức danh nghề nghiệp phóng viên hạng II	Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp	- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 13/2022/TT-BTTTT ngày 26/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức biên tập viên, phóng viên, biên dịch viên, đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông.	47

			luơng đối với viên chức biên tập viên, phóng viên, biên dịch viên, đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông.	
22	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành phóng viên lên chức danh nghề nghiệp phóng viên hạng I	Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp	- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 13/2022/TT-BTTTT ngày 26/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức biên tập viên, phóng viên, biên dịch viên, đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông.	50
23	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành biên dịch viên lên chức danh nghề nghiệp biên dịch viên hạng II	Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp	- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 13/2022/TT-BTTTT ngày 26/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức biên tập viên, phóng viên, biên dịch viên, đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông.	53
24	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành biên dịch viên lên chức danh nghề nghiệp biên dịch viên hạng I	Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp	- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 13/2022/TT-BTTTT ngày 26/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức biên tập viên, phóng viên, biên dịch viên, đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông.	57

25	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành đạo diễn truyền hình lên chức danh nghề nghiệp đạo diễn truyền hình hạng II	Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp	- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 13/2022/TT-BTTTT ngày 26/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức biên tập viên, phóng viên, biên dịch viên, đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông.	60
26	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành đạo diễn truyền hình lên chức danh nghề nghiệp đạo diễn truyền hình hạng I	Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp	- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 13/2022/TT-BTTTT ngày 26/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức biên tập viên, phóng viên, biên dịch viên, đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông.	63
27	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành âm thanh viên lên chức danh âm thanh viên hạng III	Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp	- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông;	66

			- Thông tư số 07/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT.	
28	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành âm thanh viên lên chức danh âm thanh viên hạng II	Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp	- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông; - Thông tư số 07/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT	68
29	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành âm thanh viên lên chức danh âm thanh viên hạng I	Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp	- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông; - Thông tư số 07/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT.	71
30	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành phát thanh	Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền	- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;	74

	viên lên chức danh phát thanh viên hạng III	việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp	- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông; - Thông tư số 07/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT.	
31	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành phát thanh viên lên chức danh phát thanh viên hạng II	Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp	- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông; - Thông tư số 07/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT.	77
32	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành phát thanh viên lên chức danh phát thanh viên hạng I	Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp	- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông; - Thông tư số 07/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT.	80

			thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông; - Thông tư số 07/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT.	
33	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành kỹ thuật dựng phim lên chức danh kỹ thuật dựng phim hạng III	Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp	- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông; - Thông tư số 07/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT.	83
34	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành kỹ thuật dựng phim lên chức danh kỹ thuật dựng phim hạng II	Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp	- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông; - Thông tư số 07/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT.	85

35	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành kỹ thuật dựng phim lên chức danh kỹ thuật dựng phim hạng I	Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp	- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông; - Thông tư số 07/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT.	88
36	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành quay phim lên chức danh quay phim hạng III	Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp	- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông; - Thông tư số 07/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT.	91
37	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành quay phim lên chức danh quay phim hạng II	Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp	- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;	94

			- Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông; - Thông tư số 07/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT.	
38	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành quay phim lên chức danh quay phim hạng I	Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp	- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông; - Thông tư số 07/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT.	97
IV.	LĨNH VỰC VIÊN THÔNG			100
39	Phân bổ điện thoại thông minh	Sở Thông tin và Truyền thông.	Thông tư số 14/2022/TT-BTTTT ngày 28/10/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định danh mục, chất lượng dịch vụ viên thông công ích và hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viên thông công ích đến năm 2025	100
V.	LĨNH VỰC THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI			104
40	Cung cấp thông tin giải thích, làm rõ các thông tin sai lệch	Sở Thông tin và Truyền thông.	Thông tư số 22/2016/TT-BTTTT ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn về quản lý hoạt động thông tin đối ngoại của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	104

VI.	LĨNH VỰC THI ĐUA KHEN THƯỞNG			106
41	Hiệp y khen thưởng đối với Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông.	Thông tư số 09/2018/TT-BTTTT ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Thông tin và Truyền thông.	106
42	Hiệp y khen thưởng đối với các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Thông tư số 09/2018/TT-BTTTT ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Thông tin và Truyền thông	107
VII.	LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH			107
43	Nộp xuất bản phẩm lưu chiếu đối với xuất bản phẩm dạng in	Sở Thông tin và Truyền thông	- Luật Xuất bản năm 2012; - Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản; - Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07/02/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.	107
44	Nộp xuất bản phẩm lưu chiếu đối với xuất bản phẩm điện tử	Sở Thông tin và Truyền thông	- Luật Xuất bản năm 2012; - Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản; - Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07/02/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.	109

**Phần II****NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ
LĨNH VỰC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3607 /QĐ-UBND
ngày 17 /11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

I. LĨNH VỰC AN TOÀN THÔNG TIN**1. Phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin đối với hệ thống thông tin được đề xuất cấp độ 3****a. Trình tự thực hiện:**

- Trên cơ sở kết quả thẩm định, đơn vị vận hành hệ thống thông tin hoàn thiện hồ sơ đề xuất cấp độ, trình chủ quản hệ thống thông tin phê duyệt đề xuất cấp độ (theo Mẫu số 05 Nghị định số 85/2016/NĐ-CP của Chính Phủ).

- Chủ quản hệ thống thông tin xem xét, ký ban hành quyết định phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin (theo Mẫu số 06 Nghị định số 85/2016/NĐ-CP của Chính Phủ).

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Sở Thông tin và Truyền thông;
- Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc).
- Nộp qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình về việc phê duyệt đề xuất cấp độ (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định số 85/2016/NĐ-CP);

- Văn bản ý kiến thẩm định hồ sơ đề xuất cấp độ của đơn vị thẩm định;

- Hồ sơ đề xuất cấp độ:

Tài liệu mô tả, thuyết minh tổng quan về hệ thống thông tin;

Tài liệu thiết kế hệ thống thông tin là một trong những tài liệu sau:

+ Đối với dự án đầu tư xây dựng mới hoặc mở rộng, nâng cấp hệ thống thông tin: Thiết kế sơ bộ hoặc tài liệu có giá trị tương đương;

+ Đối với hệ thống thông tin đang vận hành: Thiết kế thi công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc tài liệu có giá trị tương đương.

- Tài liệu thuyết minh về việc đề xuất cấp độ căn cứ trên các tiêu chí theo quy định của pháp luật;

- Tài liệu thuyết minh phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ tương ứng;

- Quy chế bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống thông tin đã được cấp có thẩm quyền ban hành.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: Tối đa là 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Đơn vị vận hành hệ thống thông tin

f. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Thông tin và Truyền thông.

g. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định của chủ quản hệ thống thông tin phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin.

h. Phí, lệ phí: Không

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình về việc phê duyệt đề xuất cấp độ (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định số 85/2016/NĐ-CP của Chính phủ).

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không

k. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật An toàn thông tin;

- Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11930:2017 về công nghệ thông tin - các kỹ thuật an toàn - yêu cầu cơ bản về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

Mẫu số 05

(TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt đề xuất cấp độ

Kính gửi: (Cơ quan liên quan có thẩm quyền)

Căn cứ Luật an toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

(Căn cứ các văn bản hướng dẫn thi hành Luật an toàn thông tin mạng và các văn bản liên quan);

Căn cứ ý kiến thẩm định của đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin/cơ quan thẩm định;

(Tên cơ quan, tổ chức) trình phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ với các nội dung sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên hệ thống thông tin:
2. Đơn vị vận hành hệ thống thông tin:
3. Địa chỉ:
4. Cấp độ an toàn hệ thống thông tin đề xuất:

Phần 2. Hồ sơ kèm theo

1. Tài liệu mô tả, thuyết minh tổng quan về hệ thống thông tin.
2. Tài liệu thiết kế thi công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc tài liệu có giá trị tương đương.
3. Tài liệu thuyết minh về việc đề xuất cấp độ căn cứ trên các tiêu chí theo quy định của pháp luật.
4. Tài liệu thuyết minh phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ tương ứng.
5. Ý kiến về mặt chuyên môn của đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin của chủ quản hệ thống thông tin đối với hệ thống thông tin đề xuất cấp độ 4 hoặc cấp độ 5.
6. Ý kiến thẩm định của cơ quan chủ trì thẩm định đối với hệ thống thông tin đề xuất từ cấp độ 3 trở lên.

(Tên cơ quan) trình (Chủ quản hệ thống thông tin) xem xét, quyết định phê duyệt đề xuất cấp độ của hệ thống thông tin (Tên hệ thống thông tin)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-

ĐẠI DIỆN CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

2. Phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin đối với hệ thống thông tin được đề xuất cấp độ 1 và cấp độ 2

a. Trình tự thực hiện

- Đơn vị vận hành xây dựng Hồ sơ đề xuất cấp độ theo quy định tại Điều 15 của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP và khoản 7 Điều 9 của Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Đơn vị vận hành gửi văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ kèm Hồ sơ đề xuất cấp độ theo quy định cho đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin hoặc đơn vị được chủ quản hệ thống thông tin giao thẩm định, phê duyệt cấp độ an toàn thông tin để thẩm định.

- Đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin hoặc đơn vị được chủ quản hệ thống thông tin giao thẩm định, phê duyệt cấp độ an toàn thông tin thực hiện thẩm định hồ sơ đề xuất cấp độ theo quy định và có văn bản ý kiến thẩm định theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 85/2016/NĐ-CP của Chính Phủ.

- Trên cơ sở kết quả thẩm định, đơn vị đã thẩm định hồ sơ đề xuất cấp độ tiến hành phê duyệt cấp độ an toàn thông tin theo Mẫu số 06 Nghị định số 85/2016/NĐ-CP của Chính Phủ.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Sở Thông tin và Truyền thông.
- Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc).
- Nộp qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ theo Mẫu số 01 Nghị định số 85/2016/NĐ-CP của Chính phủ kèm theo hồ sơ đề xuất cấp độ.

- Hồ sơ đề xuất cấp độ gồm:

Tài liệu mô tả, thuyết minh tổng quan về hệ thống thông tin;

Tài liệu thiết kế hệ thống thông tin là một trong những tài liệu sau:

+ Đối với dự án đầu tư xây dựng mới hoặc mở rộng, nâng cấp hệ thống thông tin: Thiết kế sơ bộ hoặc tài liệu có giá trị tương đương;

+ Đối với hệ thống thông tin đang vận hành: Thiết kế thi công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc tài liệu có giá trị tương đương.

Tài liệu thuyết minh về việc đề xuất cấp độ căn cứ trên các tiêu chí theo quy định của pháp luật;

Tài liệu thuyết minh phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ tương ứng.

Dự thảo Quy chế bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống thông tin hoặc Quy chế bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống thông tin đã được cấp có thẩm quyền ban hành.

(Lưu ý: Trường hợp gửi Dự thảo Quy chế bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống thông tin, ngay sau khi đơn vị thẩm định phát hành văn bản thẩm định với kết quả đủ điều kiện phê duyệt cấp độ an toàn thông tin, đơn vị vận hành cần gửi bổ sung Quy chế bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống thông tin đã được cấp có thẩm quyền ban hành, phù hợp với dự thảo đã gửi thẩm định).

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: Tối đa 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Đơn vị vận hành hệ thống thông tin.

f. Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Thông tin và Truyền thông

g. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin (Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 85/2016/NĐ-CP)

h. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 85/2016/NĐ-CP).

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

k. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật An toàn thông tin;

- Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11930:2017 về công nghệ thông tin - các kỹ thuật an toàn - yêu cầu cơ bản về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

Mẫu số 01

(TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị thẩm định, phê
duyet hồ sơ đề xuất cấp độ

Kính gửi: (Đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin).

Căn cứ Luật an toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

(Căn cứ các văn bản hướng dẫn thi hành Luật an toàn thông tin mạng và các văn bản liên quan);

(Tên cơ quan, tổ chức) đề nghị thẩm định, phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ với các nội dung sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên hệ thống thông tin;
2. Đơn vị vận hành hệ thống thông tin;
3. Địa chỉ;
4. Cấp độ an toàn hệ thống thông tin đề xuất:

Phần 2. Hồ sơ kèm theo

1. Tài liệu mô tả, thuyết minh tổng quan về hệ thống thông tin.
2. Tài liệu thiết kế thi công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc tài liệu có giá trị tương đương.
3. Tài liệu thuyết minh về việc đề xuất cấp độ căn cứ trên các tiêu chí theo quy định của pháp luật.

4. Tài liệu thuyết minh phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ tương ứng.
(Tên cơ quan, tổ chức) đề nghị (Đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin) thẩm định và phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ của hệ thống thông tin (Tên hệ thống thông tin)./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

ĐẠI DIỆN CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Mẫu số 12

CƠ QUAN CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)
NHÀ XUẤT BẢN/CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

TỜ KHAI

Nộp xuất bản phẩm lưu chiểu

Kính gửi:

I. PHẦN GHI CỦA ĐƠN VỊ NỘP XUẤT BẢN PHẨM

1. Tên xuất bản phẩm nộp lưu chiểu:.....
 2. Tên tác giả:..... ; Tên dịch giả, biên dịch (nếu có);
 3. Họ và tên biên tập viên:.. ..
 4. Số xác nhận đăng ký xuất bản hoặc số giấy phép xuất bản:.....ngày.....tháng.....năm...
 5. Số Quyết định xuất bản (nếu có):.....ngày...tháng.....năm.....
 6. Số tập:
 7. Lần xuất bản:
 8. Ngôn ngữ dịch (nếu là sách dịch):
 9. Ngữ xuất bản:
 10. Số lượng trang in (hoặc số byte dung lượng):.....trang (.....byte)
 11. Khuôn khổ hoặc định dạng tệp:
 12. Số lượng in: bản
 13. Tên và địa chỉ cơ sở in (nếu chế bản, in, gia công sau in tại nhiều cơ sở in phải ghi đủ thông tin của từng cơ sở in):
 14. Giá bán lẻ trên xuất bản phẩm (nếu có):
 15. Địa chỉ website đăng tải hoặc tên nhà cung cấp xuất bản phẩm điện tử:
 16. Tên và địa chỉ của đối tác liên kết xuất bản (nếu có)
 17. Mã số sách chuẩn quốc tế - ISBN (nếu có).....
 18. Bản quyền thuộc (Nhà nước, công chúng, đối tác liên kết, nhà xuất bản, tác giả).....
- Thời hạn (vĩnh viễn, có thời hạn).....

NGƯỜI NỘP XUẤT BẢN PHẨM
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC/TGD NXB
(NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CQ, TC)
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

II. PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN NHẬN XUẤT BẢN PHẨM

Đã nhận đủ số lượng xuất bản phẩm theo quy định của Luật xuất bản.

....., ngày.... tháng... năm.....

NGƯỜI NHẬN
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

3. Thẩm định hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin đối với hệ thống thông tin được đề xuất cấp độ 3

a. Trình tự thực hiện:

- Đơn vị vận hành xây dựng Hồ sơ đề xuất cấp độ theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 85/2016/NĐ-CP của Chính phủ và khoản 7 Điều 9 Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Đơn vị vận hành hệ thống thông tin gửi văn bản đề nghị thẩm định hồ sơ đề xuất cấp độ (theo Mẫu số 02 Nghị định số 85/2016/NĐ-CP) kèm Hồ sơ đề xuất cấp độ cho đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin hoặc đơn vị được chủ quản hệ thống thông tin giao thẩm định hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin để thẩm định.

- Đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin hoặc đơn vị được chủ quản hệ thống thông tin giao thẩm định hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin thực hiện thẩm định hồ sơ đề xuất cấp độ theo quy định và có văn bản ý kiến thẩm định theo Mẫu số 04 Nghị định số 85/2016/NĐ-CP gửi Đơn vị vận hành hệ thống thông tin.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Sở Thông tin và Truyền thông.
- Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc).
- Nộp qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ:

- Tài liệu mô tả, thuyết minh tổng quan về hệ thống thông tin;
- Tài liệu thiết kế hệ thống thông tin là một trong những tài liệu sau:
 - + Đối với dự án đầu tư xây dựng mới hoặc mở rộng, nâng cấp hệ thống thông tin: Thiết kế sơ bộ hoặc tài liệu có giá trị tương đương;

+ Đối với hệ thống thông tin đang vận hành: Thiết kế thi công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc tài liệu có giá trị tương đương.

- Tài liệu thuyết minh về việc đề xuất cấp độ căn cứ trên các tiêu chí theo quy định của pháp luật;

- Tài liệu thuyết minh phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ tương ứng;

- Dự thảo Quy chế bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống thông tin hoặc Quy chế bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống thông tin đã được cấp có thẩm quyền ban hành.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: Tối đa 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Đơn vị vận hành hệ thống thông tin

f. Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Thông tin và Truyền thông

g. Kết quả thực hiện TTHC: Văn bản ý kiến thẩm định hồ sơ đề xuất cấp độ của đơn vị thẩm định (theo Mẫu số 04 Nghị định số 85/2016/NĐ-CP).

h. Phí, lệ phí: Không

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 85/2016/NĐ-CP).

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không

k. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật An toàn thông tin;

- Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11930:2017 về công nghệ thông tin - các kỹ thuật an toàn - yêu cầu cơ bản về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

Mẫu số 02

(TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị thẩm định, phê
duyet hồ sơ đề xuất cấp độ

Kính gửi: (Đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin).

Căn cứ Luật an toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

(Căn cứ các văn bản hướng dẫn thi hành Luật an toàn thông tin mạng và các văn bản liên quan);

(Tên cơ quan, tổ chức) đề nghị thẩm định, phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ với các nội dung sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên hệ thống thông tin;
2. Đơn vị vận hành hệ thống thông tin;
3. Địa chỉ;
4. Cấp độ an toàn hệ thống thông tin đề xuất:

Phần 2. Hồ sơ kèm theo

1. Tài liệu mô tả, thuyết minh tổng quan về hệ thống thông tin.
 2. Tài liệu thiết kế thi công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc tài liệu có giá trị tương đương.
 3. Tài liệu thuyết minh về việc đề xuất cấp độ căn cứ trên các tiêu chí theo quy định của pháp luật.
 4. Tài liệu thuyết minh phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ tương ứng.
- (Tên cơ quan, tổ chức) đề nghị (Đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin) thẩm định và phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ của hệ thống thông tin (Tên hệ thống thông tin)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
-

ĐẠI DIỆN CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

4. Xác định lần đầu cấp độ đối với hệ thống thông tin cấp độ 4; xác định lại cấp độ đối với hệ thống thông tin đã được phê duyệt cấp độ 4

a. Trình tự thực hiện:

- Trên cơ sở kết quả thẩm định, đơn vị vận hành hệ thống thông tin hoàn thiện hồ sơ đề xuất cấp độ, trình chủ quản hệ thống thông tin phê duyệt đề xuất cấp độ (theo Mẫu số 05 Nghị định số 85/2016/NĐ-CP).

- Chủ quản hệ thống thông tin xem xét, ký ban hành quyết định phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin (theo Mẫu số 06 Nghị định số 85/2016/NĐ-CP).

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Sở Thông tin và Truyền thông;
- Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc).
- Nộp qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình về việc phê duyệt đề xuất cấp độ (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định số 85/2016/NĐ-CP);

- Văn bản ý kiến thẩm định hồ sơ đề xuất cấp độ của đơn vị thẩm định;

- Hồ sơ đề xuất cấp độ:

Tài liệu mô tả, thuyết minh tổng quan về hệ thống thông tin;

Tài liệu thiết kế hệ thống thông tin là một trong những tài liệu sau:

+ Đối với dự án đầu tư xây dựng mới hoặc mở rộng, nâng cấp hệ thống thông tin: Thiết kế sơ bộ hoặc tài liệu có giá trị tương đương;

+ Đối với hệ thống thông tin đang vận hành: Thiết kế thi công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc tài liệu có giá trị tương đương.

- Tài liệu thuyết minh về việc đề xuất cấp độ căn cứ trên các tiêu chí theo quy định của pháp luật;

- Tài liệu thuyết minh phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ tương ứng;

- Quy chế bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống thông tin đã được cấp có thẩm quyền ban hành.

- Ý kiến thẩm định của cơ quan chủ trì thẩm định đối với hệ thống thông tin đề xuất từ cấp độ 4.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: Tối đa là 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Đơn vị vận hành hệ thống thông tin

f. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Thông tin và Truyền thông.

g. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định của chủ quản hệ thống thông tin phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin (Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 85/2016/NĐ-CP).

h. Phí, lệ phí: Không

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình về việc phê duyệt đề xuất cấp độ (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định số 85/2016/NĐ-CP).

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không

k. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật An toàn thông tin;

- Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11930:2017 về công nghệ thông tin - các kỹ thuật an toàn - yêu cầu cơ bản về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

Mẫu số 05

(TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH **Về việc phê duyệt đề xuất cấp độ**

Kính gửi: (Cơ quan liên quan có thẩm quyền)

Căn cứ Luật an toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

(Căn cứ các văn bản hướng dẫn thi hành Luật an toàn thông tin mạng và các văn bản liên quan);

Căn cứ ý kiến thẩm định của đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin/cơ quan thẩm định;

(Tên cơ quan, tổ chức) trình phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ với các nội dung sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên hệ thống thông tin:
2. Đơn vị vận hành hệ thống thông tin:
3. Địa chỉ:
4. Cấp độ an toàn hệ thống thông tin đề xuất:

Phần 2. Hồ sơ kèm theo

1. Tài liệu mô tả, thuyết minh tổng quan về hệ thống thông tin.
2. Tài liệu thiết kế thi công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc tài liệu có giá trị tương đương.
3. Tài liệu thuyết minh về việc đề xuất cấp độ căn cứ trên các tiêu chí theo quy định của pháp luật.
4. Tài liệu thuyết minh phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ tương ứng.
5. Ý kiến về mặt chuyên môn của đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin của chủ quản hệ thống thông tin đối với hệ thống thông tin đề xuất cấp độ 4 hoặc cấp độ 5.
6. Ý kiến thẩm định của cơ quan chủ trì thẩm định đối với hệ thống thông tin đề xuất từ cấp độ 3 trở lên.

(Tên cơ quan) trình (Chủ quản hệ thống thông tin) xem xét, quyết định phê duyệt đề xuất cấp độ của hệ thống thông tin (Tên hệ thống thông tin)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-

ĐẠI DIỆN CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Mẫu số 06

**(CHỦ QUẢN HỆ THỐNG
THÔNG TIN)**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin
(THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN TỔ CHỨC)

Căn cứ Luật an toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;
(Căn cứ các văn bản hướng dẫn thi hành Luật an toàn thông tin mạng và các văn bản liên quan);

Xét đề nghị của cơ quan (Tên đơn vị đề nghị),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin đối với (Tên hệ thống thông tin) cụ thể như sau:

1. Thông tin chung
 - a) Tên hệ thống thông tin:
 - b) Đơn vị vận hành hệ thống thông tin:
 - c) Địa chỉ:
2. Cấp độ an toàn hệ thống thông tin: (cấp độ)
3. Phương án bảo đảm an toàn thông tin:
 - a) Phương án bảo đảm an toàn thông tin trong thiết kế hệ thống thông tin tương ứng với cấp độ (cấp độ) là phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia (Tên tiêu chuẩn), quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (Tên quy chuẩn) về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.
 - b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin trong quá trình vận hành hệ thống tương ứng với cấp độ (cấp độ) là phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia (Tên tiêu chuẩn), quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (Tên quy chuẩn) về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan (Tên đơn vị đề nghị) chịu trách nhiệm:
 - a) Thực hiện trách nhiệm bảo đảm an toàn hệ thống thông tin mình quản lý theo các quy định tại Điều 22 Nghị định này.
 - b) Các nội dung khác (nếu có).
2. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan khác (nếu có).

Điều 3. Điều Khoản thi hành

1. Cơ quan (Tên đơn vị đề xuất) và các cơ quan liên quan khác chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này báo cáo cơ quan (Chủ quản hệ thống thông tin) theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

ĐẠI DIỆN CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

5. Ứng cứu xử lý sự cố an toàn thông tin của các hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu (HTTT/CSDL) do tỉnh quản lý

a. Trình tự thực hiện:

Cơ quan, tổ chức khi phát hiện dấu hiệu tấn công hoặc sự cố an toàn thông tin và xác định sự cố có thể vượt khả năng xử lý, thực hiện gửi hồ sơ đề nghị ứng cứu xử lý sự cố an toàn thông tin gửi đến Sở Thông tin và Truyền thông để được tiếp nhận và giải quyết.

Đồng thời tổ chức theo dõi, ghi chép và tập hợp các thông tin liên quan đến sự cố và tổ chức thông báo hoặc báo cáo sự cố theo quy định tại Điều 9 của Thông tư 20/2017/TT-BTTTT ngày 12/9/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Sở Thông tin và Truyền thông;
- Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc).
- Nộp qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Báo cáo ban đầu sự cố/Thông báo sự cố mạng
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Đơn vị vận hành hệ thống thông tin.

f. Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Thông tin và Truyền thông.

g. Kết quả thực hiện TTHC:

- Văn bản thông báo kết quả ứng cứu, xử lý sự cố (trong trường hợp sự cố được xử lý, khắc phục bởi Sở Thông tin và Truyền thông).
- Hoặc Báo cáo kết thúc ứng phó sự cố (trong trường hợp Cơ quan điều phối quốc gia tham gia ứng cứu sự cố).

h. Phí, lệ phí: Không

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu Báo cáo ban đầu sự cố/Thông báo sự cố mạng (kèm theo Quyết định số 48/2018/QĐ-UBND ngày 07/11/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai)

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Hệ thống thông tin/Cơ sở dữ liệu thuộc hạ tầng trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh.

k. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg ngày 16/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về hệ thống phương án ứng cứu khẩn cấp bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia.

- Thông tư 20/2017/TT-BTTTT ngày 12/9/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định về điều phối, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trên toàn quốc.

- Quyết định số 48/2018/QĐ-UBND ngày 07/11/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy chế đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN BÁO CÁO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

Đồng Nai, ngày ... tháng ... năm 202...

BÁO CÁO BAN ĐẦU SỰ CỐ

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC/CÁ NHÂN THÔNG BÁO SỰ CỐ

■ Tên tổ chức/cá nhân thông báo sự cố (*)

■ Địa chỉ: *)

■ Điện thoại (*) Email (*).....

NGƯỜI LIÊN HỆ

■ Họ và tên (*) Chức vụ:.....

■ Điện thoại (*) Email (*).....

II. THÔNG TIN SỰ CỐ

1. Chi tiết về hệ thống bị sự cố

Tên đơn vị vận hành hệ thống thông tin (*):	Điền tên đơn vị vận hành hoặc được thuê vận hành hệ thống thông tin				
Cơ quan chủ quản:	Điền tên cơ quan chủ quản				
Tên hệ thống bị sự cố	Điền tên hệ thống bị sự cố và tên miền, địa chỉ ip liên quan				
Phân loại cấp độ của hệ thống thông tin (nếu có)	☐ Cấp độ 1	☐ Cấp độ 2	☐ Cấp độ 3	☐ Cấp độ 4	☐ Cấp độ 5
Tổ chức cung cấp dịch vụ an toàn thông tin (nếu có):	Điền tên nhà cung cấp ở đây				
Tên nhà cung cấp dịch vụ kết nối bên ngoài (nếu có)	Điền tên nhà cung cấp ở đây				

Diễn tên nhà cung cấp ở đây	Diễn thông tin ở đây
-----------------------------	----------------------

Mô tả sơ bộ về sự cố (*) *tóm tắt ngắn gọn về sự cố, bao gồm đánh giá sơ bộ cuộc tấn công đã xảy ra chưa và bất kỳ các nguy cơ dẫn đến khả năng phá hoại hoặc gián đoạn dịch vụ; xác định mức độ nhạy cảm của thông tin liên quan hoặc những đối tượng bị ảnh hưởng bởi sự cố*.....

Ngày phát hiện sự cố (*) (dd/mm/yy):

Thời gian phát hiện (*) (giờ, phút):

2. Hiện trạng sự cố (*)

☐ Đã được xử lý ☐ Chưa được xử lý

3. Cách thức phát hiện * *(Đánh dấu những cách thức được sử dụng để phát hiện sự cố)*

☐ Qua hệ thống phát hiện xâm nhập ☐ Kiểm tra dữ liệu lưu lại (Log File)

☐ Nhận được thông báo từ:

☐ Khác, đó là

4. Đã gửi thông báo sự cố

☐ Thành viên mạng lưới chịu trách nhiệm ứng cứu sự cố cho tổ chức, cá nhân

☐ ISP đang trực tiếp cung cấp dịch vụ

☐ Cơ quan điều phối

5. Thông tin bổ sung về hệ thống xảy ra sự cố

▪ Hệ điều hành Version

▪ Các dịch vụ có trên hệ thống *(Đánh dấu những dịch vụ được sử dụng trên hệ thống)*

☐ Web server ☐ Mail server ☐ Database server

☐ Dịch vụ khác, đó là

▪ Các biện pháp an toàn thông tin đã triển khai *(Đánh dấu những biện pháp đã triển khai)*

☐ Antivirus ☐ Firewall ☐ Hệ thống phát hiện xâm nhập ☐ Khác:

▪ Các địa chỉ IP của hệ thống *(Liệt kê địa chỉ IP sử dụng trên Internet, không liệt kê địa chỉ IP nội bộ)*

▪ Các tên miền của hệ thống

▪ Mục đích chính sử dụng hệ thống

▪ Thông tin gửi kèm

☐ Nhật ký hệ thống ☐ Mẫu virus / mã độc

☐ Khác:

▪ Các thông tin cung cấp trong thông báo sự cố này đều phải được giữ bí mật:

☐ Có ☐ Không

6. Kiến nghị, đề xuất hỗ trợ

Mô tả về đề xuất, kiến nghị
Cung cấp tóm lược về các kiến nghị và đề xuất hỗ trợ ứng cứu (nếu có)

Nơi nhận:

- Chủ quản hệ thống thông tin;
- Cơ quan điều phối quốc gia;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- ...;
- Lưu VT, ...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

1. Phần (*) là những thông tin bắt buộc. Các phần còn lại có thể loại bỏ nếu không có thông tin.
2. Sử dụng tiêu đề (subject) bắt đầu bằng "[TBSC]" khi gửi thông báo qua email.
3. Tham khảo thêm tại website của VNCERT (www.vncert.gov.vn).

II. LĨNH VỰC CHUYÊN ĐỔI SỐ

6. Thẩm định thiết kế cơ sở (trường hợp thiết kế 2 bước), thiết kế chi tiết (trường hợp thiết kế 1 bước) dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin nhóm B

a. Trình tự thực hiện:

- Đơn vị chuyên môn về công nghệ thông tin trực thuộc UBND cấp tỉnh (Sở Thông tin và Truyền thông) thẩm định thiết kế cơ sở (trường hợp thiết kế 2 bước), thiết kế chi tiết (trường hợp thiết kế 1 bước) đối với dự án nhóm B do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư, trừ các dự án có thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết thuộc thẩm quyền thẩm định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Trong trường hợp đơn vị thẩm định thiết kế cơ sở hoặc thiết kế chi tiết đồng thời là chủ đầu tư, đơn vị thẩm định thiết kế thành lập hội đồng thẩm định để thẩm định thiết kế hoặc người có thẩm quyền quyết định đầu tư giao cho đơn vị chuyên môn khác thẩm định thiết kế.

- Đơn vị đầu mỗi thẩm định dự án gửi văn bản lấy ý kiến của đơn vị thẩm định thiết kế.

- Chậm nhất 15 ngày, đơn vị thẩm định thiết kế có văn bản thẩm định gửi đơn vị đầu mỗi thẩm định dự án.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Sở Thông tin và Truyền thông.
- Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc).
- Nộp qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ đơn vị đầu mối tổ chức thẩm định gửi lấy ý kiến thẩm định thiết kế bao gồm:

- Báo cáo kết quả khảo sát;
- Thiết kế cơ sở (trường hợp thiết kế 2 bước) hoặc thiết kế chi tiết (trường hợp thiết kế 1 bước);
- Các văn bản pháp lý, tài liệu khác có liên quan.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày đơn vị thẩm định thiết kế nhận đủ hồ sơ hợp lệ

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Đơn vị đầu mối thẩm định dự án.

f. Cơ quan thực hiện TTHC: Đơn vị chuyên môn về công nghệ thông tin trực thuộc UBND cấp tỉnh (Sở Thông tin và Truyền thông)

g. Kết quả thực hiện TTHC: Văn bản thẩm định thiết kế dự án.

h. Phí, lệ phí: Thực hiện theo pháp luật phí, lệ phí.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không

k. Căn cứ pháp lý của TTHC: Khoản 3 Điều 20, Điều 21 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Ghi chú:

1. Tiêu chí phân loại dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước nhóm A, B, C thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công.
2. Các trường hợp thiết kế 1 bước, thiết kế 2 bước xác định theo Điều 10 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP.

7. Thẩm định thiết kế cơ sở (trường hợp thiết kế 2 bước), thiết kế chi tiết (trường hợp thiết kế 1 bước) dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin nhóm C

a. Trình tự thực hiện:

- Đơn vị chuyên môn về công nghệ thông tin trực thuộc UBND cấp tỉnh (Sở Thông tin và Truyền thông) thẩm định thiết kế cơ sở (trường hợp thiết kế 2 bước), thiết kế chi tiết (trường hợp thiết kế 1 bước) đối với dự án nhóm C do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư, trừ các dự án có thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết thuộc thẩm quyền thẩm định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Trong trường hợp đơn vị thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết đồng thời là chủ đầu tư, đơn vị thẩm định thiết kế thành lập hội đồng thẩm định để thẩm định

thiết kế hoặc người có thẩm quyền quyết định đầu tư giao cho đơn vị chuyên môn khác thẩm định thiết kế.

- Đơn vị đầu mỗi thẩm định dự án gửi văn bản lấy ý kiến của đơn vị thẩm định thiết kế.

- Chậm nhất 10 ngày, đơn vị thẩm định thiết kế có văn bản thẩm định gửi đơn vị đầu mỗi thẩm định dự án.

b. Các thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Sở Thông tin và Truyền thông.

- Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc).

- Nộp qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ đơn vị đầu mỗi tổ chức thẩm định gửi lấy ý kiến thẩm định thiết kế bao gồm:

- Báo cáo kết quả khảo sát;

- Thiết kế cơ sở (trường hợp thiết kế 2 bước) hoặc thiết kế chi tiết (trường hợp thiết kế 1 bước);

- Các văn bản pháp lý, tài liệu khác có liên quan.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 10 ngày kể từ ngày đơn vị thẩm định thiết kế nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Đơn vị đầu mỗi thẩm định dự án

f) cơ quan thực hiện: Đơn vị chuyên môn về công nghệ thông tin trực thuộc UBND cấp tỉnh (Sở Thông tin và Truyền thông)

g. Kết quả thực hiện TTHC: Văn bản thẩm định thiết kế dự án.

h. Phí, lệ phí: Thực hiện theo pháp luật phí, lệ phí.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không

k. Căn cứ pháp lý của TTHC:

Khoản 3 Điều 20, Điều 21 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Ghi chú:

1. Tiêu chí phân loại dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước nhóm A, B, C thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công.

2. Các trường hợp thiết kế 1 bước, thiết kế 2 bước xác định theo Điều 10 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP.

8. Thẩm định kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin

a. Trình tự thực hiện:

- Cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch thuê phân công đơn vị chuyên môn trực thuộc tiến hành thẩm định kế hoạch thuê trước khi phê duyệt (sau đây gọi là đơn vị đầu mối thẩm định);
- Đơn vị đầu mối thẩm định có trách nhiệm lấy ý kiến hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch thuê lấy ý kiến của đơn vị có chuyên môn về công nghệ thông tin;
- Trong quá trình thẩm định, tùy theo tính chất phức tạp của từng công việc và nội dung chi, cơ quan đầu mối thẩm định có thể lấy ý kiến hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch thuê lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tổ chức hội nghị tư vấn để lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, lấy ý kiến chuyên gia của các tổ chức, cá nhân có chuyên môn.
- Thời gian thẩm định kế hoạch thuê không quá 20 ngày kể từ ngày đơn vị đầu mối thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ và không bao gồm thời gian bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian thẩm định kế hoạch thuê bao gồm thời gian đơn vị đầu mối thẩm định lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Trường hợp cần yêu cầu bổ sung hoặc giải trình thêm về nội dung kế hoạch thuê, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, đơn vị đầu mối thẩm định có văn bản yêu cầu chủ trì thuê bổ sung hoặc giải trình.
- Đơn vị đầu mối thẩm định có văn bản kết quả thẩm định kế hoạch thuê trình người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch thuê xem xét, quyết định.

b. Các thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Sở Thông tin và Truyền thông.
- Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc).
- Nộp qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình thẩm định kế hoạch thuê theo mẫu tại Phụ lục III Nghị định số 73/2019/NĐ-CP;

- Kế hoạch thuê;
- Các văn bản có liên quan khác.

Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: Không quá 20 ngày kể từ ngày đơn vị đầu mối thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ và không bao gồm thời gian bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Đơn vị sử dụng ngân sách được giao lập kế hoạch thuê dịch vụ CNTT (gọi chung là chủ trì thuê dịch vụ CNTT)

f) cơ quan thực hiện: Đơn vị chuyên môn trực thuộc người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch thuê dịch vụ CNTT (gọi chung là đơn vị đầu mối thẩm định)

g. Kết quả thực hiện TTHC: Văn bản báo cáo kết quả thẩm định kế hoạch thuê dịch vụ CNTT

h. Phí, lệ phí: Thực hiện theo pháp luật phí, lệ phí.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: *Tờ trình thẩm định kế hoạch thuê theo mẫu tại Phụ lục III Nghị định số 73/2019/NĐ-CP.*

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không

k. Căn cứ pháp lý của TTHC: Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Phụ lục III - Mẫu tờ trình thẩm định, phê duyệt kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

TỜ TRÌNH

Thẩm định, phê duyệt kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin
(Tên hoạt động thuê)

Kính gửi:

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Chủ trì thuê trình thẩm định, phê duyệt kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin ...
(Tên hoạt động thuê) ... với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên hoạt động thuê:
2. Chủ trì thuê:
3. Tổ chức tư vấn lập kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin (nếu có):
4. Mục tiêu:
5. Nội dung và quy mô:
6. Địa điểm:
7. Dự toán:
- Tổng cộng:
- Trong đó:
- Chi phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin:

- Chi phí quản lý:
- Chi phí tư vấn:
- Chi phí khác:
- Chi phí dự phòng:

8. Nguồn vốn:

9. Thời gian thực hiện (bao gồm thời gian xây dựng, phát triển, hình thành dịch vụ công nghệ thông tin và thời gian thuê dịch vụ công nghệ thông tin):

10. Các nội dung khác:

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT

.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Họ và tên

9. Cấp phát, cập nhật các tài khoản truy cập vào hệ thống thông tin/Cơ sở dữ liệu (HTTT/CSDL) do tỉnh quản lý

a. Trình tự thực hiện:

Các cơ quan, đơn vị có nhu cầu khai thác, sử dụng HTTT/CSDL của tỉnh, gửi văn bản đề nghị cấp phát, cập nhật tài khoản truy cập đến cơ quan vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Sở Thông tin và Truyền thông;
- Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc).
- Nộp qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị thu hồi tài khoản truy cập vào HTTT/CSDL.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: Không

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Các cơ quan, tổ chức thuộc các cơ quan đảng, nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Kể từ khi nhận được văn bản đề nghị của đơn vị có nhu cầu sử dụng, cơ quan vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh thực hiện cấp phát, cập nhật tài khoản trên hệ thống quản lý người dùng thuộc thẩm quyền quản lý và thực hiện gửi văn bản thông báo danh sách tài khoản đã được cấp phát, cập nhật cho cơ quan, đơn vị đề nghị biết.

f. Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Thông tin và Truyền thông.

g. Kết quả thực hiện TTHC: Văn bản thông báo danh sách tài khoản đã được thu hồi.

h. Phí, lệ phí: Không

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Cá nhân thuộc các cơ quan đảng, nhà nước trên địa bàn tỉnh thay đổi vị trí việc làm yêu cầu truy cập vào HTTT/CSDL.

k. Căn cứ pháp lý của TTHC: Không.

10. Thu hồi các tài khoản truy cập vào hệ thống thông tin/ Cơ sở dữ liệu (HTTT/CSDL) do tỉnh quản lý

a. Trình tự thực hiện:

Các cơ quan, đơn vị gửi văn bản đề nghị thu hồi tài khoản truy cập vào HTTT/CSDL do tỉnh quản lý đến cơ quan vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Sở Thông tin và Truyền thông;
- Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc).
- Nộp qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị thu hồi tài khoản truy cập vào HTTT/CSDL.
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: Không

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Các cơ quan, tổ chức thuộc các cơ quan đảng, nhà nước trên địa bàn tỉnh.

f. Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Thông tin và Truyền thông.

g. Kết quả thực hiện TTHC: Văn bản thông báo danh sách tài khoản đã được thu hồi.

Kể từ khi nhận được văn bản đề nghị, cơ quan vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh thực hiện thu hồi, vô hiệu hóa tài khoản người dùng trên hệ

thống thuộc thẩm quyền quản lý và gửi văn bản thông báo danh sách tài khoản đã được cấp phát, cập nhật cho cơ quan, đơn vị đề nghị biết.

h. Phí, lệ phí: Không

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Cá nhân thôi giữ vị trí việc làm có liên quan đến sử dụng tài khoản hệ thống.

k. Căn cứ pháp lý của TTHC: Không.

11. Cấp mới hộp thư công vụ cho cán bộ, công chức, viên chức

a. Trình tự thực hiện:

Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị cấp mới hộp thư công vụ của các tổ chức thuộc các cơ quan nhà nước gửi đến, Sở Thông tin và Truyền thông phân công cho đơn vị phụ trách rà soát tính phù hợp của hồ sơ đề nghị với các quy định có liên quan, nếu thỏa điều kiện sẽ tiến hành cấp mới hộp thư công vụ và có văn bản phúc đáp lại cho các tổ chức nêu trên.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Sở Thông tin và Truyền thông;
- Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc).
- Nộp qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị cấp mới hộp thư công vụ.
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: Không

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Các cơ quan, tổ chức thuộc các cơ quan đảng, nhà nước trên địa bàn tỉnh.

f. Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Thông tin và Truyền thông.

g. Kết quả thực hiện TTHC: Văn bản cấp mới hộp thư công vụ.

h. Phí, lệ phí: Không

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không

k. Căn cứ pháp lý của TTHC: Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 04/4/2014 của UBND về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về tổ chức, quản lý và sử dụng hộp thư điện tử trong các cơ quan nhà nước của tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 70/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009.

12. Cấp lại mật khẩu hộp thư điện tử công vụ.

a. Trình tự thực hiện:

Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại mật khẩu hộp thư công vụ của các tổ chức thuộc các cơ quan nhà nước gửi đến, Sở Thông tin và Truyền thông phân công cho đơn vị phụ trách tiến hành cấp lại mật khẩu hộp thư công vụ và có văn bản phúc đáp lại cho các tổ chức nêu trên.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Sở Thông tin và Truyền thông;
- Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc).
- Nộp qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: văn bản đề nghị cấp lại mật khẩu hộp thư công vụ
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: Không

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Các cơ quan, tổ chức thuộc các cơ quan đảng, nhà nước trên địa bàn tỉnh.

f. Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Thông tin và Truyền thông.

g. Kết quả thực hiện TTHC: Văn bản cấp lại mật khẩu hộp thư công vụ.

h. Phí, lệ phí: Không

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không

k. Căn cứ pháp lý của TTHC: Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 04/4/2014 của UBND về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về tổ chức, quản lý và sử dụng hộp thư điện tử trong các cơ quan nhà nước của tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 70/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009.

III. LĨNH VỰC CÔNG TÁC CÁN BỘ

13. Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin lên chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin hạng III

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Triển khai đăng ký nhu cầu đến các đơn vị, tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

Bước 2: Xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, góp ý các cơ quan, đơn vị;

Bước 3: Trình UBND xin ý kiến phê duyệt và theo thẩm quyền phân cấp của UBND tỉnh, tiến hành các bước như sau:

- Lập kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- Thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và các ban;
- Thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- Kiểm tra, giám sát việc tổ chức xét của Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.
- Thông báo kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.
- Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo phân cấp.
- Tổng hợp báo cáo và lưu trữ hồ sơ tại đơn vị.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại đơn vị.
- Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản
- Dịch vụ bưu chính

(Đơn vị tổng hợp và nộp hồ sơ về cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
 - + Đơn đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
 - + Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo mẫu số 2 và có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng hoặc quản lý viên chức (được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức);
 - + Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;
 - + Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chứng thực (**sao y công chứng**);
 - + Bản sao các quyết định: Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức, nâng lương gần nhất;
 - Các Yêu cầu khác theo quy định về tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp mà viên chức dự xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: Theo Kế hoạch, thông báo của Cơ quan được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp Công nghệ thông tin hạng IV (mã số V.11.06.15)

f. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

g. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

h. Phí, lệ phí: Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Công nghệ thông tin hạng III khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin hạng IV hoặc tương đương tối thiểu là 02 năm (đủ 24 tháng, không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trường hợp khi tuyển dụng có trình độ cao đẳng, 03 năm (đủ 36 tháng, không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trường hợp khi tuyển dụng có trình độ trung cấp. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng.

- Khi đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm trước liền kề;

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin;

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên các ngành đào tạo về công nghệ thông tin hoặc các ngành gần đào tạo về công nghệ thông tin;

- Có đủ tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin (hạng III)

k. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;
- Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin.
- Quyết định của UBND tỉnh về phân cấp sử dụng và quản lý viên chức.

14. Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin lên chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin hạng II

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Triển khai đăng ký nhu cầu đến các đơn vị, tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

Bước 2: Xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, góp ý các cơ quan, đơn vị;

Bước 3: Trình UBND xin ý kiến phê duyệt và theo thẩm quyền phân cấp của UBND tỉnh, tiến hành các bước như sau:

- Lập kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- Thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và các ban;
- Thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- Kiểm tra, giám sát việc tổ chức xét của Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.
- Thông báo kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.
- Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo phân cấp.
- Tổng hợp báo cáo và lưu trữ hồ sơ tại đơn vị.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại đơn vị.
- Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản
- Dịch vụ bưu chính

(Đơn vị tổng hợp và nộp hồ sơ về cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

+ Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo mẫu số 2 và có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng hoặc quản lý viên chức (được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức);

+ Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chứng thực (sao y công chứng);

+ Bản sao các quyết định: Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức, nâng lương gần nhất;

+ Văn bản minh chứng việc chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng ít nhất 01 (một) đề tài, đề án, dự án, chương trình về lĩnh vực công nghệ thông tin từ cấp cơ sở trở lên mà cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền nghiệm thu, ban hành; hoặc chủ trì hoặc tham gia thẩm định ít nhất 01 (một) dự án công nghệ thông tin được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hoặc chủ trì xây dựng ít nhất 01 (một) quy chế, quy định, quy trình kỹ thuật về công nghệ thông tin được cấp có thẩm quyền ban hành; hoặc tham gia nghiên cứu, phát triển ít nhất 01 (một) giải pháp công nghệ đạt giải thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên.

+ Bản sao bằng khen hoặc đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc 02 lần đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.

+ Các Yêu cầu khác theo quy định về tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp mà viên chức dự xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: Theo Kế hoạch, thông báo của Cơ quan được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin hạng III, Mã số: V.11.06.14

f. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

g. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

h. Phí, lệ phí: Không quy định

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin hạng II khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin hạng III (hoặc tương đương) ít nhất là đủ 09 năm (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin hạng III thì phải có ít nhất đủ 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin hạng III tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng (nếu thời gian giữ chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin hạng III không liên tục thì được cộng dồn).

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin hạng III (hoặc tương đương) đã chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng ít nhất 01 (một) đề tài, đề án, dự án, chương trình về lĩnh vực công nghệ thông tin từ cấp cơ sở trở lên mà cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền nghiệm thu, ban hành; hoặc chủ trì hoặc tham gia thẩm định ít nhất 01 (một) dự án công nghệ thông tin được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hoặc chủ trì xây dựng ít nhất 01 (một) quy chế, quy định, quy trình kỹ thuật về công nghệ thông tin được cấp có thẩm quyền ban hành; hoặc tham gia nghiên cứu, phát triển ít nhất 01 (một) giải pháp công nghệ đạt giải thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên.

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin hạng III (hoặc tương đương) được tặng bằng khen hoặc đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc 02 lần đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.

- Khi đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm trước liền kề;

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Công nghệ thông tin;

- Có đủ tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp Công nghệ thông tin (hạng II);

k. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin.

- Thông tư số 12/2024/TT-BTTTT ngày 23/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông.

- Quyết định của UBND tỉnh về phân cấp sử dụng và quản lý viên chức.

15. Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin lên chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin hạng I

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Triển khai đăng ký nhu cầu đến các đơn vị, tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Bước 2: Các cơ quan, đơn vị gửi đăng ký nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp về cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền thẩm định việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Bước 3: Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền thẩm định việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tổng hợp, rà soát, thẩm định đối với điều kiện, tiêu chuẩn của viên chức đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I. Trên cơ sở, danh sách viên chức đã được tổng hợp báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đăng ký danh sách viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại đơn vị.
- Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản
- Dịch vụ bưu chính

(Đơn vị tổng hợp và nộp hồ sơ về cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

+ Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo mẫu số 2 và có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng hoặc quản lý viên chức (được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức);

+ Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chứng thực (sao y công chứng);

+ Bản sao các quyết định: Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức, nâng lương gần nhất;

+ Văn bản minh chứng việc chủ trì nghiên cứu, xây dựng ít nhất 02 (hai) đề tài, đề án, dự án, chương trình về lĩnh vực công nghệ thông tin cấp nhà nước, cấp bộ, ban, ngành, tỉnh mà cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền nghiệm thu, ban hành; hoặc chủ trì thẩm định ít nhất 02 (hai) dự án công nghệ thông tin nhóm A, B được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hoặc chủ trì nghiên cứu, phát triển ít nhất 01 (một) sản phẩm, giải pháp công nghệ đạt giải thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên.

+ Bản sao bằng khen hoặc đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.

+ Các Yêu cầu khác theo quy định về tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp mà viên chức dự xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: Theo Kế hoạch, thông báo của Cơ quan được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin hạng II, Mã số: V.11.06.13

f. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

g. Kết quả thực hiện TTHC: Danh sách viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I

h. Phí, lệ phí: Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin hạng I khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin hạng II (hoặc tương đương) ít nhất là đủ 06 năm. Trường hợp có thời gian tương đương với chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin hạng II thì phải có ít nhất đủ 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin hạng II tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng (nếu thời gian giữ chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin hạng II không liên tục thì được cộng dồn).

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin hạng II (hoặc tương đương) đã chủ trì nghiên cứu, xây dựng ít nhất 02 (hai) đề tài, đề án, dự án, chương trình về lĩnh vực công nghệ thông tin cấp nhà nước, cấp bộ, ban, ngành, tỉnh mà cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền nghiệm thu, ban hành; hoặc chủ trì thẩm định ít nhất 02 (hai) dự án công nghệ thông tin nhóm A, B được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hoặc chủ trì nghiên cứu, phát triển ít nhất 01 (một) sản phẩm, giải pháp công nghệ đạt giải thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên.

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin hạng II (hoặc tương đương) được tặng bằng khen hoặc đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.

- Khi đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm trước liền kề;

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Công nghệ thông tin;

- Có đủ tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp Công nghệ thông tin (hạng I);

k. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin.

- Thông tư số 12/2024/TT-BTTTT ngày 23/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông.

- Quyết định của UBND tỉnh về phân cấp sử dụng và quản lý viên chức.

16. Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành an toàn thông tin lên chức danh nghề nghiệp an toàn thông tin hạng III

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Triển khai đăng ký nhu cầu đến các đơn vị, tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

Bước 2: Xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, góp ý các cơ quan, đơn vị;

Bước 3: Trình UBND xin ý kiến phê duyệt và theo thẩm quyền phân cấp của UBND tỉnh, tiến hành các bước như sau:

- Lập kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- Thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và các ban;
- Thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- Kiểm tra, giám sát việc tổ chức xét của Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.
- Thông báo kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.
- Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo phân cấp.
- Tổng hợp báo cáo và lưu trữ hồ sơ tại đơn vị.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại đơn vị.
- Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản
- Dịch vụ bưu chính

(Đơn vị tổng hợp và nộp hồ sơ về cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

+ Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo mẫu số 2 và có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng hoặc quản lý viên chức (được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời

hạn cuối cùng nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức);

+ Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chứng thực (**sao y công chứng**);

+ Bản sao các quyết định: Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức, nâng lương gần nhất.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết:

Theo Kế hoạch, thông báo của Cơ quan được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp an toàn thông tin hạng IV, Mã số: V.11.05.12

f. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

g. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định thăng hạng chức danh nghề nghiệp

h. Phí, lệ phí: Không quy định

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp An toàn thông tin hạng III khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp an toàn thông tin hạng IV hoặc tương đương tối thiểu là 02 năm (đủ 24 tháng, không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng.

- Khi đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm trước liền kề;

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành an toàn thông tin;
- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên các ngành đào tạo về công nghệ thông tin hoặc các ngành gần đào tạo về công nghệ thông tin;
- Có đủ tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp an toàn thông tin (hạng III)

k. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;
- Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin.
- Quyết định của UBND tỉnh về phân cấp sử dụng và quản lý viên chức.

17. Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành an toàn thông tin lên chức danh nghề nghiệp an toàn thông tin hạng II.

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Triển khai đăng ký nhu cầu đến các đơn vị, tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

Bước 2: Xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, góp ý các cơ quan, đơn vị;

Bước 3: Trình UBND xin ý kiến phê duyệt và theo thẩm quyền phân cấp của UBND tỉnh, tiến hành các bước như sau:

- Lập kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- Thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và các ban;
- Thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- Kiểm tra, giám sát việc tổ chức xét của Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.
- Thông báo kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.
- Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo phân cấp.
- Tổng hợp báo cáo và lưu trữ hồ sơ tại đơn vị.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại đơn vị.
- Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản
- Dịch vụ bưu chính

(Đơn vị tổng hợp và nộp hồ sơ về cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

+ Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo mẫu số 2 và có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng hoặc quản lý viên chức (được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức);

+ Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chứng thực (sao y công chứng);

+ Bản sao các quyết định: Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức, nâng lương gần nhất;

+ Văn bản minh chứng việc chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng ít nhất 01 (một) đề tài, đề án, dự án, chương trình về lĩnh vực an toàn thông tin từ cấp cơ sở trở lên mà cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền nghiệm thu, ban hành; hoặc chủ trì hoặc tham gia xây dựng phương án đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đối với ít nhất 01 (một) hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên được cấp có thẩm quyền nghiệm thu; hoặc chủ trì xây dựng ít nhất 01 (một) quy chế, quy định, quy trình kỹ thuật về an toàn thông tin được cấp có thẩm quyền ban hành; hoặc tham gia nghiên cứu, phát triển ít nhất 01 (một) sản phẩm, giải pháp công nghệ đạt giải thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên.

+ Bản sao bằng khen hoặc đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc 02 lần đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.

+ Các Yêu cầu khác theo quy định về tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp mà viên chức dự xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết:

Theo Kế hoạch, thông báo của Cơ quan được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp an toàn thông tin hạng III, Mã số: V.11.05.11

f. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

g. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

h. Phí, lệ phí: Không quy định

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp an toàn thông tin hạng II khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp an toàn thông tin hạng III (hoặc tương đương) ít nhất là đủ 09 năm (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với chức danh nghề nghiệp an toàn thông tin hạng III thì phải có ít nhất đủ 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp an toàn thông tin hạng III tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng (nếu thời gian giữ chức danh nghề nghiệp an toàn thông tin hạng III không liên tục thì được cộng dồn).

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp an toàn thông tin hạng III (hoặc tương đương) đã chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng ít nhất 01 (một) đề tài, đề án, dự án, chương trình về lĩnh vực công nghệ thông tin từ cấp cơ sở trở lên mà cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền nghiệm thu, ban hành; hoặc chủ trì hoặc tham gia xây dựng phương án đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đối với ít nhất 01 (một) hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên được cấp có thẩm quyền nghiệm thu; hoặc chủ trì xây dựng ít nhất 01 (một) quy chế, quy định, quy trình kỹ thuật về an toàn thông tin được cấp có thẩm quyền ban hành; hoặc tham gia nghiên cứu, phát triển ít nhất 01 (một) sản phẩm, giải pháp an toàn thông tin đạt giải thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên.

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp an toàn thông tin hạng III (hoặc tương đương) được tặng bằng khen hoặc đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc 02 lần đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.

- Khi đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm trước liền kề;

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp An toàn thông tin;

- Có đủ tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp An toàn thông tin (hạng II);

k. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin.

- Thông tư số 12/2024/TT-BTTTT ngày 23/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông.

- Quyết định của UBND tỉnh về phân cấp sử dụng và quản lý viên chức.

18. Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành an toàn thông tin lên chức danh nghề nghiệp an toàn thông tin hạng I.

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Triển khai đăng ký nhu cầu đến các đơn vị, tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Bước 2: Các cơ quan, đơn vị gửi đăng ký nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp về cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền thẩm định việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Bước 3: Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền thẩm định việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tổng hợp, rà soát, thẩm định đối với điều kiện, tiêu chuẩn của viên chức đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I. Trên cơ sở, danh sách viên chức đã được tổng hợp báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đăng ký danh sách viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại đơn vị.
- Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản
- Dịch vụ bưu chính

(Đơn vị tổng hợp và nộp hồ sơ về cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
 - + Đơn đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
 - + Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo mẫu số 2 và có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng hoặc quản lý viên chức (được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức);
 - + Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;
 - + Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chứng thực (sao y công chứng);
 - + Bản sao các quyết định: Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức, nâng lương gần nhất;
 - + Văn bản minh chứng việc chủ trì nghiên cứu, xây dựng ít nhất 02 (hai) đề tài, đề án, dự án, chương trình về lĩnh vực an toàn thông tin cấp nhà nước, cấp bộ, ban, ngành, tỉnh mà cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền nghiệm thu, ban hành; hoặc chủ trì xây dựng phương án đảm bảo an toàn hệ thống thông tin đối với ít nhất 02 (hai) hệ thống thông tin cấp độ 4, 5 được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hoặc chủ trì nghiên cứu, phát triển ít nhất 01 (một) sản phẩm, giải pháp an toàn thông tin đạt giải thưởng cấp bộ, cấp tỉnh trở lên.
 - + Bản sao bằng khen hoặc đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.
 - + Các Yêu cầu khác theo quy định về tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp mà viên chức dự xét thăng hạng.
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: Theo Kế hoạch, thông báo của Cơ quan được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp an toàn thông tin hạng II, Mã số: V.11.05.10

f. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

g. Kết quả thực hiện TTHC: Danh sách viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I

h. Phí, lệ phí: Không quy định

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp an toàn thông tin hạng I khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp an toàn thông tin hạng II (hoặc tương đương) ít nhất là đủ 06 năm. Trường hợp có thời gian tương đương với chức danh nghề nghiệp an toàn thông tin hạng II thì phải có ít nhất đủ 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp an toàn thông tin hạng II tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng (nếu thời gian giữ chức danh nghề nghiệp an toàn thông tin hạng II không liên tục thì được cộng dồn).

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp an toàn thông tin hạng II (hoặc tương đương) đã chủ trì nghiên cứu, xây dựng ít nhất 02 (hai) đề tài, đề án, dự án, chương trình về lĩnh vực an toàn thông tin cấp nhà nước, cấp bộ, ban, ngành, tỉnh mà cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền nghiệm thu, ban hành; hoặc chủ trì xây dựng phương án đảm bảo an toàn hệ thống thông tin đối với ít nhất 02 (hai) hệ thống thông tin cấp độ 4, 5 được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hoặc chủ trì nghiên cứu, phát triển ít nhất 01 (một) sản phẩm, giải pháp an toàn thông tin đạt giải thưởng cấp bộ, cấp tỉnh trở lên.

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp an toàn thông tin hạng II (hoặc tương đương) được tặng bằng khen hoặc đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.

- Khi đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm trước liền kề;

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp An toàn thông tin;

- Có đủ tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp An toàn thông tin (hạng I);

k. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin.

- Thông tư số 12/2024/TT-BTTTT ngày 23/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông.

- Quyết định của UBND tỉnh về phân cấp sử dụng và quản lý viên chức.

19. Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành biên tập viên lên chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng II.

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Triển khai đăng ký nhu cầu đến các đơn vị, tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

Bước 2: Xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, góp ý các cơ quan, đơn vị;

Bước 3: Trình UBND xin ý kiến phê duyệt và theo thẩm quyền phân cấp của UBND tỉnh, tiến hành các bước như sau:

- Lập kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- Thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và các ban;
- Thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- Kiểm tra, giám sát việc tổ chức xét của Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.
- Thông báo kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.
- Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo phân cấp.
- Tổng hợp báo cáo và lưu trữ hồ sơ tại đơn vị.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại đơn vị.
- Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản
- Dịch vụ bưu chính

(Đơn vị tổng hợp và nộp hồ sơ về cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
 - + Đơn đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
 - + Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo mẫu số 2 và có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng hoặc quản lý viên chức (được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức);
 - + Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;
 - + Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chứng thực (sao y công chứng);
 - + Bản sao các quyết định: Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức, nâng lương gần nhất;
 - + Văn bản minh chứng việc chủ trì hoặc tham gia biên tập ít nhất 01 (một) tác phẩm đạt giải thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc giải thưởng do cơ quan Đảng ở Trung ương, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Hội nhà báo Việt Nam tổ chức; hoặc tham gia viết chuyên đề trong ít nhất 01 (một) đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành từ cấp cơ sở trở lên mà cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.
 - + Bản sao bằng khen hoặc đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc 02 lần đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.
 - + Các Yêu cầu khác theo quy định về tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp mà viên chức dự xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết:

Theo Kế hoạch, thông báo của Cơ quan được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng III, Mã số: V.11.01.03

f. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

g. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

h. Phí, lệ phí: Không quy định

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng II khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng III (hoặc tương đương) ít nhất là đủ 09 năm (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng III thì phải có ít nhất đủ 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng III tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng (nếu thời gian giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng III không liên tục thì được cộng dồn).

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng III (hoặc tương đương) đã chủ trì hoặc tham gia biên tập ít nhất 01 (một) tác phẩm đạt giải thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc giải thưởng do cơ quan Đảng ở Trung ương, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Hội nhà báo Việt Nam tổ chức; hoặc tham gia viết chuyên đề trong ít nhất 01 (một) đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành từ cấp cơ sở trở lên mà cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng III (hoặc tương đương) được tặng bằng khen hoặc đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc 02 lần đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.

- Khi đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm trước liền kề;

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức;

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên ngành báo chí, xuất bản. Trường hợp có bằng tốt nghiệp địa học khác ngành báo chí, xuất bản thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng về nghiệp vụ báo chí, xuất bản do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp ngành báo chí, xuất bản;

- Có bằng tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị hoặc có giấy xác nhận trình độ lý luận chính trị tương đương trung cấp lý luận chính trị trở lên do cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày 09/7/2021;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành biên tập viên hoặc có chứng chỉ hành nghề biên tập viên (đối với biên tập viên lĩnh vực xuất bản);

- Có đủ tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp Biên tập viên (hạng II)

k. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 13/2022/TT-BTTTT ngày 26/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức biên tập viên, phóng viên, biên dịch viên, đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông.

- Thông tư số 12/2024/TT-BTTTT ngày 23/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông.

- Quyết định của UBND tỉnh về phân cấp sử dụng và quản lý viên chức.

20. Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành biên tập viên lên chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng I.

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Triển khai đăng ký nhu cầu đến các đơn vị, tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Bước 2: Các cơ quan, đơn vị gửi đăng ký nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp về cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền thẩm định việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Bước 3: Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền thẩm định việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tổng hợp, rà soát, thẩm định đối với điều kiện, tiêu chuẩn của viên chức đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I. Trên cơ sở, danh sách viên chức đã được tổng hợp báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đăng ký danh sách viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại đơn vị.
- Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản
- Dịch vụ bưu chính

(Đơn vị tổng hợp và nộp hồ sơ về cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

+ Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo mẫu số 2 và có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng hoặc quản lý viên chức (được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức);

+ Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chứng thực (sao y công chứng);

+ Bản sao các quyết định: Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức, nâng lương gần nhất;

+ Văn bản minh chứng việc chủ trì hoặc tham gia biên tập ít nhất 02 (hai) tác phẩm đạt giải thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc giải thưởng do cơ quan Đảng ở Trung ương, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Hội nhà báo Việt Nam tổ chức; hoặc chủ trì ít nhất 02 (hai) đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành cấp bộ, cấp tỉnh trở lên mà cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.

+ Bản sao bằng khen hoặc đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.

+ Các Yêu cầu khác theo quy định về tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp mà viên chức dự xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: Theo Kế hoạch, thông báo của Cơ quan được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng II, Mã số: V.11.01.02

f. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

g. Kết quả thực hiện TTHC: Danh sách viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I

h. Phí, lệ phí: Không quy định

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng I khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng II (hoặc tương đương) ít nhất là đủ 06 năm. Trường hợp có thời gian tương đương với chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng II thì phải có ít nhất đủ 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng II tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng (nếu thời gian giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng II không liên tục thì được cộng dồn).

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng II (hoặc tương đương) đã chủ trì hoặc tham gia biên tập ít nhất 02 (hai) tác phẩm đạt giải thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc giải thưởng do cơ quan Đảng ở Trung ương, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Hội nhà báo Việt Nam tổ chức; hoặc chủ trì ít nhất 02 (hai) đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành cấp bộ, cấp tỉnh trở lên mà cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng II (hoặc tương đương) được tặng bằng khen hoặc đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.

- Khi đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm trước liền kề;

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức;

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên ngành báo chí, xuất bản. Trường hợp có bằng tốt nghiệp địa học khác ngành báo chí, xuất bản thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng về nghiệp vụ báo chí, xuất bản do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp ngành báo chí, xuất bản;

- Có bằng tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị hoặc bằng cao cấp lý luận chính trị - hành chính hoặc có giấy xác nhận trình độ lý luận chính trị tương đương cao cấp lý luận chính trị do cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày 09/7/2021;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành biên tập viên hoặc có chứng chỉ hành nghề biên tập viên (đối với biên tập viên lĩnh vực xuất bản);

- Có đủ tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp biên tập viên (hạng I);

k. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 13/2022/TT-BTTTT ngày 26/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức biên tập viên, phóng viên, biên dịch viên, đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông.

- Thông tư số 12/2024/TT-BTTTT ngày 23/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông.

- Quyết định của UBND tỉnh về phân cấp sử dụng và quản lý viên chức.

21. Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành phóng viên lên chức danh nghề nghiệp phóng viên hạng II

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Triển khai đăng ký nhu cầu đến các đơn vị, tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

Bước 2: Xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, góp ý các cơ quan, đơn vị;

Bước 3: Trình UBND xin ý kiến phê duyệt và theo thẩm quyền phân cấp của UBND tỉnh, tiến hành các bước như sau:

- Lập kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và các ban;

- Thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Kiểm tra, giám sát việc tổ chức xét của Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Thông báo kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo phân cấp.

- Tổng hợp báo cáo và lưu trữ hồ sơ tại đơn vị.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại đơn vị.

- Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản

- Dịch vụ bưu chính

(Đơn vị tổng hợp và nộp hồ sơ về cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Đơn đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- + Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo mẫu số 2 và có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng hoặc quản lý viên chức (được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức);

- + Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

- + Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chứng thực (sao y công chứng);

- + Bản sao các quyết định: Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức, nâng lương gần nhất;

- + Văn bản minh chứng việc chủ trì hoặc tham gia thực hiện ít nhất 01 (một) tác phẩm đạt giải thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc giải thưởng do cơ quan Đảng ở Trung ương, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Hội nhà báo Việt Nam tổ chức; hoặc tham gia viết chuyên đề trong ít nhất 01 (một) đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành cấp cơ sở trở lên mà cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.

+ Bản sao bằng khen hoặc đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc 02 lần đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.

+ Các Yêu cầu khác theo quy định về tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp mà viên chức dự xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết:

Theo Kế hoạch, thông báo của Cơ quan được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp phóng viên hạng III, Mã số: V.11.02.06

f. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

g. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

h. Phí, lệ phí: Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phóng viên hạng II khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp phóng viên hạng III (hoặc tương đương) ít nhất là đủ 09 năm (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với chức danh nghề nghiệp phóng viên hạng III thì phải có ít nhất đủ 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp phóng viên hạng III tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng (nếu thời gian giữ chức danh nghề nghiệp phóng viên hạng III không liên tục thì được cộng dồn).

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp phóng viên hạng III (hoặc tương đương) đã chủ trì hoặc tham gia thực hiện ít nhất 01 (một) tác phẩm đạt giải thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc giải thưởng do cơ quan Đảng ở Trung ương, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Hội nhà báo Việt Nam tổ chức; hoặc tham gia viết chuyên đề trong ít nhất 01 (một) đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành cấp cơ sở trở lên mà cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp phóng viên hạng III (hoặc tương đương) được tặng bằng khen hoặc đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc 02 lần đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.

- Khi đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;
- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm trước liền kề;
- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức;
- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên ngành báo chí. Trường hợp có bằng tốt nghiệp địa học khác ngành báo chí thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng về nghiệp vụ báo chí do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp ngành báo chí;
- Có bằng tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị hoặc có giấy xác nhận trình độ lý luận chính trị tương đương trung cấp lý luận chính trị trở lên do cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày 09/7/2021;
- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành phóng viên;
- Có đủ tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp phóng viên (hạng II)

k. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;
- Thông tư số 13/2022/TT-BTTTT ngày 26/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức biên tập viên, phóng viên, biên dịch viên, đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông.
- Thông tư số 12/2024/TT-BTTTT ngày 23/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông.
- Quyết định của UBND tỉnh về phân cấp sử dụng và quản lý viên chức.

22. Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành phóng viên lên chức danh nghề nghiệp phóng viên hạng I

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Triển khai đăng ký nhu cầu đến các đơn vị, tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Bước 2: Các cơ quan, đơn vị gửi đăng ký nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp về cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền thẩm định việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Bước 3: Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền thẩm định việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tổng hợp, rà soát, thẩm định đối với điều kiện, tiêu chuẩn của viên chức đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I. Trên cơ sở, danh sách viên chức đã được tổng hợp báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đăng ký danh sách viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại đơn vị.
- Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản
- Dịch vụ bưu chính

(Đơn vị tổng hợp và nộp hồ sơ về cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

+ Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo mẫu số 2 và có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng hoặc quản lý viên chức (được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức);

+ Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chứng thực (sao y công chứng);

+ Bản sao các quyết định: Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức, nâng lương gần nhất;

+ Văn bản minh chứng việc chủ trì hoặc tham gia thực hiện ít nhất 02 (hai) tác phẩm đạt giải thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc giải thưởng do cơ quan Đảng ở Trung ương, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Hội nhà báo Việt Nam tổ chức; hoặc chủ trì ít nhất 02 (hai) đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành cấp bộ, cấp tỉnh trở lên mà cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.

+ Bản sao bằng khen hoặc đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.

+ Các Yêu cầu khác theo quy định về tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp mà viên chức dự xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: Theo Kế hoạch, thông báo của Cơ quan được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp phóng viên hạng II, Mã số: V.11.02.05

f. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

g. Kết quả thực hiện TTHC: Danh sách viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I

h. Phí, lệ phí: Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phóng viên hạng II khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp phóng viên hạng II (hoặc tương đương) ít nhất là đủ 06 năm. Trường hợp có thời gian tương đương với chức danh nghề nghiệp phóng viên hạng II thì phải có ít nhất đủ 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp phóng viên hạng II tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng (nếu thời gian giữ chức danh nghề nghiệp phóng viên hạng II không liên tục thì được cộng dồn).

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp phóng viên hạng II (hoặc tương đương) đã chủ trì hoặc tham gia thực hiện ít nhất 02 (hai) tác phẩm đạt giải thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc giải thưởng do cơ quan Đảng ở Trung ương, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Hội nhà báo Việt Nam tổ chức; hoặc chủ trì ít nhất 02 (hai) đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành cấp bộ, cấp tỉnh trở lên mà cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp phóng viên hạng II (hoặc tương đương) được tặng bằng khen hoặc đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.

- Khi đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm trước liền kề;

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức;

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên ngành báo chí. Trường hợp có bằng tốt nghiệp địa học khác ngành báo chí thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng về nghiệp vụ báo chí do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp ngành báo chí;

- Có bằng tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị hoặc bằng cao cấp lý luận chính trị - hành chính hoặc có giấy xác nhận trình độ lý luận chính trị tương đương cao cấp lý luận chính trị trở lên do cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày 09/7/2021;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành phóng viên;

- Có đủ tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp phóng viên (hạng I)

k. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 13/2022/TT-BTTTT ngày 26/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức biên tập viên, phóng viên, biên dịch viên, đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông.

- Thông tư số 12/2024/TT-BTTTT ngày 23/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông.

- Quyết định của UBND tỉnh về phân cấp sử dụng và quản lý viên chức.

23. Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành biên dịch viên lên chức danh nghề nghiệp biên dịch viên hạng II

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Triển khai đăng ký nhu cầu đến các đơn vị, tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

Bước 2: Xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, góp ý các cơ quan, đơn vị;

Bước 3: Trình UBND xin ý kiến phê duyệt và theo thẩm quyền phân cấp của UBND tỉnh, tiến hành các bước như sau:

- Lập kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- Thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và các ban;
- Thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- Kiểm tra, giám sát việc tổ chức xét của Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.
- Thông báo kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.
- Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo phân cấp.
- Tổng hợp báo cáo và lưu trữ hồ sơ tại đơn vị

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại đơn vị.
- Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản
- Dịch vụ bưu chính

(Đơn vị tổng hợp và nộp hồ sơ về cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

+ Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo mẫu số 2 và có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng hoặc quản lý viên chức (được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức);

+ Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chứng thực (sao y công chứng);

+ Bản sao các quyết định: Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức, nâng lương gần nhất;

+ Văn bản minh chứng việc chủ trì hoặc tham gia biên dịch ít nhất 01 (một) tác phẩm đạt giải thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc giải thưởng do cơ quan Đảng ở Trung ương, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Hội nhà báo Việt Nam tổ chức; hoặc tham gia viết chuyên đề trong ít nhất 01 (một) đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành cấp cơ sở trở lên mà cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.

+ Bản sao bằng khen hoặc đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc 02 lần đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.

+ Các Yêu cầu khác theo quy định về tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp mà viên chức dự xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết:

Theo Kế hoạch, thông báo của Cơ quan được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp biên dịch viên hạng III, Mã số: V.11.03.09

f. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

g. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

h. Phí, lệ phí: Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp biên dịch viên hạng II khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp biên dịch viên hạng III (hoặc tương đương) ít nhất là đủ 09 năm (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với chức danh nghề nghiệp biên dịch viên hạng III thì phải có ít nhất đủ 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp biên dịch viên hạng III tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng (nếu thời gian giữ chức danh nghề nghiệp biên dịch viên hạng III không liên tục thì được cộng dồn).

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp biên dịch viên hạng III (hoặc tương đương) đã chủ trì hoặc tham gia biên dịch ít nhất 01 (một) tác phẩm đạt giải thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc giải thưởng do cơ quan Đảng ở Trung ương, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Hội nhà báo Việt Nam tổ chức; hoặc tham

gia viết chuyên đề trong ít nhất 01 (một) đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành cấp cơ sở trở lên mà cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp biên dịch viên hạng III (hoặc tương đương) được tặng bằng khen hoặc đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc 02 lần đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.

- Khi đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm trước liền kề;

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức;

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngoại ngữ trở lên. Trường hợp có bằng tốt nghiệp địa học ngành khác thì phải có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ tương đương bậc 5 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam trở lên phù hợp với vị trí việc làm;

- Có bằng tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị hoặc có giấy xác nhận trình độ lý luận chính trị tương đương trung cấp lý luận chính trị trở lên do cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày 09/7/2021;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành biên dịch viên;

- Có đủ tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp biên dịch viên (hạng II)

k. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 13/2022/TT-BTTTT ngày 26/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức biên tập viên, phóng viên, biên dịch viên, đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông.

- Thông tư số 12/2024/TT-BTTTT ngày 23/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông.

- Quyết định của UBND tỉnh về phân cấp sử dụng và quản lý viên chức.

24. Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành biên dịch viên lên chức danh nghề nghiệp biên dịch viên hạng I

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Triển khai đăng ký nhu cầu đến các đơn vị, tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Bước 2: Các cơ quan, đơn vị gửi đăng ký nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp về cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền thẩm định việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Bước 3: Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền thẩm định việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tổng hợp, rà soát, thẩm định đối với điều kiện, tiêu chuẩn của viên chức đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I. Trên cơ sở, danh sách viên chức đã được tổng hợp báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đăng ký danh sách viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại đơn vị.
- Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản
- Dịch vụ bưu chính

(Đơn vị tổng hợp và nộp hồ sơ về cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

+ Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo mẫu số 2 và có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng hoặc quản lý viên chức (được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức);

+ Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chứng thực (sao y công chứng);

+ Bản sao các quyết định: Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức, nâng lương gần nhất;

+ Văn bản minh chứng việc chủ trì hoặc tham gia biên dịch ít nhất 02 (hai) tác phẩm đạt giải thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc giải thưởng do cơ quan Đảng ở Trung ương, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Hội nhà báo Việt Nam tổ chức; hoặc chủ trì ít nhất 02 (hai) đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành cấp bộ, cấp tỉnh trở lên mà cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.

+ Bản sao bằng khen hoặc đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.

+ Các Yêu cầu khác theo quy định về tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp mà viên chức dự xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết:

Theo Kế hoạch, thông báo của Cơ quan được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành.

e. Đối tượng thực hiện TTHC:

Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp biên dịch viên hạng II, Mã số: V.11.03.08

f. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

g. Kết quả thực hiện TTHC:

Danh sách viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I

h. Phí, lệ phí: Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp biên dịch viên hạng I khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp biên dịch viên hạng II (hoặc tương đương) ít nhất là đủ 06 năm. Trường hợp có thời gian tương đương với chức danh nghề nghiệp biên dịch viên hạng II thì phải có ít nhất đủ 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp biên dịch viên hạng II tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng (nếu thời gian giữ chức danh nghề nghiệp biên dịch viên hạng II không liên tục thì được cộng dồn).

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp biên dịch viên hạng II (hoặc tương đương) đã chủ trì hoặc tham gia biên dịch ít nhất 02 (hai) tác phẩm đạt giải thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc giải thưởng do cơ quan Đảng ở Trung ương,

tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Hội nhà báo Việt Nam tổ chức; hoặc chủ trì ít nhất 02 (hai) đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành cấp bộ, cấp tỉnh trở lên mà cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp biên dịch viên hạng II (hoặc tương đương) được tặng bằng khen hoặc đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.

- Khi đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm trước liền kề;

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức;

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngoại ngữ trở lên. Trường hợp có bằng tốt nghiệp địa học ngành khác thì phải có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ tương đương bậc 5 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam trở lên phù hợp với vị trí việc làm;

- Có bằng tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị hoặc bằng cao cấp lý luận chính trị - hành chính hoặc có giấy xác nhận trình độ lý luận chính trị tương đương cao cấp lý luận chính trị trở lên do cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày 09/7/2021;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành biên dịch viên;

- Có đủ tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp biên dịch viên (hạng I)

k. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 13/2022/TT-BTTTT ngày 26/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức biên tập viên, phóng viên, biên dịch viên, đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông.

- Thông tư số 12/2024/TT-BTTTT ngày 23/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông.

- Quyết định của UBND tỉnh về phân cấp sử dụng và quản lý viên chức.

25. Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành đạo diễn truyền hình lên chức danh nghề nghiệp đạo diễn truyền hình hạng II

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Triển khai đăng ký nhu cầu đến các đơn vị, tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

Bước 2: Xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, góp ý các cơ quan, đơn vị;

Bước 3: Trình UBND xin ý kiến phê duyệt và theo thẩm quyền phân cấp của UBND tỉnh, tiến hành các bước như sau:

- Lập kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- Thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và các ban;
- Thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- Kiểm tra, giám sát việc tổ chức xét của Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.
- Thông báo kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.
- Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo phân cấp.
- Tổng hợp báo cáo và lưu trữ hồ sơ tại đơn vị.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại đơn vị.
- Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản
- Dịch vụ bưu chính

(Đơn vị tổng hợp và nộp hồ sơ về cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

+ Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo mẫu số 2 và có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng hoặc quản lý viên chức (được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức);

+ Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong

thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chứng thực (sao y công chứng);

+ Bản sao các quyết định: Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức, nâng lương gần nhất;

+ Văn bản minh chứng việc chủ trì hoặc tham gia ít nhất 01 (một) tác phẩm đạt giải thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc giải thưởng do cơ quan Đảng ở Trung ương, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Hội nhà báo Việt Nam tổ chức; hoặc tham gia viết chuyên đề trong ít nhất 01 (một) đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành cấp cơ sở trở lên mà cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.

+ Bản sao bằng khen hoặc đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc 02 lần đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.

+ Các Yêu cầu khác theo quy định về tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp mà viên chức dự xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết:

Theo Kế hoạch, thông báo của Cơ quan được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp đạo diễn truyền hình hạng III, Mã số: V.11.04.12

f. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

g. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

h. Phí, lệ phí: Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đạo diễn truyền hình hạng II khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp đạo diễn truyền hình hạng III (hoặc tương đương) ít nhất là đủ 09 năm (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với chức danh nghề nghiệp đạo diễn truyền hình hạng III thì phải có ít nhất đủ 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp đạo diễn

truyền hình hạng III tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng (nếu thời gian giữ chức danh nghề nghiệp đạo diễn truyền hình hạng III không liên tục thì được cộng dồn).

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp đạo diễn truyền hình hạng III (hoặc tương đương) đã chủ trì hoặc tham gia ít nhất 01 (một) tác phẩm đạt giải thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc giải thưởng do cơ quan Đảng ở Trung ương, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Hội nhà báo Việt Nam tổ chức; hoặc tham gia viết chuyên đề trong ít nhất 01 (một) đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành cấp cơ sở trở lên mà cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp đạo diễn truyền hình hạng III (hoặc tương đương) được tặng bằng khen hoặc đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc 02 lần đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.

- Khi đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm trước liền kề;

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức;

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên ngành đạo diễn;

- Có bằng tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị hoặc có giấy xác nhận trình độ lý luận chính trị tương đương trung cấp lý luận chính trị trở lên do cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày 09/7/2021;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành đạo diễn truyền hình;

- Có đủ tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp đạo diễn truyền hình (hạng II)

k. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 13/2022/TT-BTTTT ngày 26/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức biên tập viên, phóng viên, biên dịch viên, đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông.

- Thông tư số 12/2024/TT-BTTTT ngày 23/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông.

- Quyết định của UBND tỉnh về phân cấp sử dụng và quản lý viên chức.

26. Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành đạo diễn truyền hình lên chức danh nghề nghiệp đạo diễn truyền hình hạng I

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Triển khai đăng ký nhu cầu đến các đơn vị, tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Bước 2: Các cơ quan, đơn vị gửi đăng ký nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp về cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền thẩm định việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Bước 3: Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền thẩm định việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tổng hợp, rà soát, thẩm định đối với điều kiện, tiêu chuẩn của viên chức đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I. Trên cơ sở, danh sách viên chức đã được tổng hợp báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đăng ký danh sách viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại đơn vị.
- Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản
- Dịch vụ bưu chính

(Đơn vị tổng hợp và nộp hồ sơ về cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

+ Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo mẫu số 2 và có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng hoặc quản lý viên chức (được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức);

+ Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong

thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chứng thực (sao y công chứng);

+ Bản sao các quyết định: Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức, nâng lương gần nhất;

+ Văn bản minh chứng việc chủ trì hoặc tham gia đạo diễn ít nhất 02 (hai) tác phẩm đạt giải thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc giải thưởng do cơ quan Đảng ở Trung ương, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Hội nhà báo Việt Nam tổ chức; hoặc chủ trì ít nhất 02 (hai) đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành cấp cơ sở trở lên mà cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.

+ Bản sao bằng khen hoặc đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.

+ Các Yêu cầu khác theo quy định về tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp mà viên chức dự xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: Theo Kế hoạch, thông báo của Cơ quan được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp đạo diễn truyền hình hạng II, Mã số: V.11.04.11

f. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nội vụ

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh

g. Kết quả thực hiện TTHC: Danh sách viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I

h. Phí, lệ phí: Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đạo diễn truyền hình hạng I khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp đạo diễn truyền hình hạng II (hoặc tương đương) ít nhất là đủ 06 năm. Trường hợp có thời gian tương đương với chức danh nghề nghiệp đạo diễn truyền hình hạng II thì phải có ít nhất đủ 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp đạo diễn truyền hình hạng II tính đến ngày hết

thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng (nếu thời gian giữ chức danh nghề nghiệp đạo diễn truyền hình hạng II không liên tục thì được cộng dồn).

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp đạo diễn truyền hình hạng II (hoặc tương đương) đã chủ trì hoặc tham gia đạo diễn ít nhất 02 (hai) tác phẩm đạt giải thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc giải thưởng do cơ quan Đảng ở Trung ương, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Hội nhà báo Việt Nam tổ chức; hoặc chủ trì ít nhất 02 (hai) đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành cấp cơ sở trở lên mà cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp đạo diễn truyền hình hạng II (hoặc tương đương) được tặng bằng khen hoặc đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.

- Khi đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm trước liền kề;

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức;

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên ngành đạo diễn;

- Có bằng tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị hoặc bằng cao cấp lý luận chính trị - hành chính hoặc có giấy xác nhận trình độ lý luận chính trị tương đương cao cấp lý luận chính trị trở lên do cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày 09/7/2021;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành đạo diễn truyền hình;

- Có đủ tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp đạo diễn truyền hình (hạng I)

k. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 13/2022/TT-BTTTT ngày 26/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức biên tập viên, phóng viên, biên dịch viên, đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông.

- Thông tư số 12/2024/TT-BTTTT ngày 23/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông.

- Quyết định của UBND tỉnh về phân cấp sử dụng và quản lý viên chức

27. Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành âm thanh viên lên chức danh âm thanh viên hạng III

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Triển khai đăng ký nhu cầu đến các đơn vị, tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

Bước 2: Xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, góp ý các cơ quan, đơn vị;

Bước 3: Trình UBND xin ý kiến phê duyệt và theo thẩm quyền phân cấp của UBND tỉnh, tiến hành các bước như sau:

- Lập kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- Thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và các ban;
- Thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- Kiểm tra, giám sát việc tổ chức xét của Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.
- Thông báo kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.
- Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo phân cấp.
- Tổng hợp báo cáo và lưu trữ hồ sơ tại đơn vị.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại đơn vị.
- Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản
- Dịch vụ bưu chính

(Đơn vị tổng hợp và nộp hồ sơ về cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

+ Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo mẫu số 2 và có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng hoặc quản lý viên chức (được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức);

+ Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chứng thực (sao y công chứng);

+ Bản sao các quyết định: Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức, nâng lương gần nhất;

+ Các Yêu cầu khác theo quy định về tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp mà viên chức dự xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết:

Theo Kế hoạch, thông báo của Cơ quan được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp âm thanh viên hạng IV, Mã số: V.11.09.26

f. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

g. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

h. Phí, lệ phí: Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp âm thanh viên hạng III khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp âm thanh viên hạng IV hoặc tương đương tối thiểu là 02 năm (đủ 24 tháng, không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trường hợp khi tuyển dụng có trình độ cao đẳng trở lên, 03 năm (đủ 36 tháng) (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trường hợp khi tuyển dụng có trình độ trung cấp. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp âm thanh viên hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

- Khi đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm trước liền kề;

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức;
- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành âm thanh viên;
- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành âm thanh, điện tử - viễn thông;
- Có đủ tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp âm thanh viên (hạng III)

k. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;
- Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông;
- Thông tư số 07/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT.
- Quyết định của UBND tỉnh về phân cấp sử dụng và quản lý viên chức.

28. Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành âm thanh viên lên chức danh âm thanh viên hạng II

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Triển khai đăng ký nhu cầu đến các đơn vị, tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

Bước 2: Xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, góp ý các cơ quan, đơn vị;

Bước 3: Trình UBND xin ý kiến phê duyệt và theo thẩm quyền phân cấp của UBND tỉnh, tiến hành các bước như sau:

- Lập kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- Thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và các ban;
- Thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- Kiểm tra, giám sát việc tổ chức xét của Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Thông báo kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.
- Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo phân cấp.
- Tổng hợp báo cáo và lưu trữ hồ sơ tại đơn vị.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại đơn vị.
- Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản
- Dịch vụ bưu chính

(Đơn vị tổng hợp và nộp hồ sơ về cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
 - + Đơn đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
 - + Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo mẫu số 2 và có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng hoặc quản lý viên chức (được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức);
 - + Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;
 - + Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chứng thực (sao y công chứng);
 - + Bản sao các quyết định: Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức, nâng lương gần nhất;
 - + Văn bản minh chứng việc chủ trì hoặc tham gia thực hiện ít nhất 01 (một) tác phẩm đạt giải thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh; hoặc tham gia viết chuyên đề trong ít nhất 01 (một) đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành cấp cơ sở trở lên mà cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.
 - + Bản sao bằng khen hoặc đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc 02 lần đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.
 - + Các Yêu cầu khác theo quy định về tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp mà viên chức dự xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết:

Theo Kế hoạch, thông báo của Cơ quan được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp âm thanh viên hạng III, Mã số: V.11.09.25

f. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

g. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

h. Phí, lệ phí: Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp âm thanh viên hạng III khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp âm thanh viên hạng III (hoặc tương đương) ít nhất là đủ 09 năm (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với chức danh nghề nghiệp âm thanh viên hạng III thì phải có ít nhất đủ 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp âm thanh viên hạng III tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng (nếu thời gian giữ chức danh nghề nghiệp âm thanh viên hạng III không liên tục thì được cộng dồn).

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp âm thanh viên hạng III (hoặc tương đương) đã chủ trì hoặc tham gia thực hiện ít nhất 01 (một) tác phẩm đạt giải thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh; hoặc tham gia viết chuyên đề trong ít nhất 01 (một) đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành cấp cơ sở trở lên mà cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp âm thanh viên hạng III (hoặc tương đương) được tặng bằng khen hoặc đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc 02 lần đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.

- Khi đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm trước liền kề;

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành âm thanh viên;
- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành âm thanh, điện tử - viễn thông;
- Có đủ tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp âm thanh viên (hạng II)

k. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;
- Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông;
- Thông tư số 07/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT.
- Thông tư số 12/2024/TT-BTTTT ngày 23/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông.
- Quyết định của UBND tỉnh về phân cấp sử dụng và quản lý viên chức.

29. Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành âm thanh viên lên chức danh âm thanh viên hạng I.

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Triển khai đăng ký nhu cầu đến các đơn vị, tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Bước 2: Các cơ quan, đơn vị gửi đăng ký nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp về cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền thẩm định việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Bước 3: Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền thẩm định việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tổng hợp, rà soát, thẩm định đối với điều kiện, tiêu chuẩn của viên chức đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I. Trên cơ sở, danh sách viên chức đã được tổng hợp báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đăng ký danh sách viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại đơn vị.
- Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản
- Dịch vụ bưu chính

(Đơn vị tổng hợp và nộp hồ sơ về cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

+ Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo mẫu số 2 và có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng hoặc quản lý viên chức (được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức);

+ Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chứng thực (sao y công chứng);

+ Bản sao các quyết định: Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức, nâng lương gần nhất;

+ Văn bản minh chứng việc chủ trì hoặc tham gia thực hiện ít nhất 02 (hai) tác phẩm đạt giải thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh; hoặc chủ trì ít nhất 02 (hai) đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành cấp bộ, cấp tỉnh trở lên mà cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.

+ Bản sao bằng khen hoặc đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.

+ Các Yêu cầu khác theo quy định về tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp mà viên chức dự xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: Theo Kế hoạch, thông báo của Cơ quan được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp âm thanh viên hạng II, Mã số: V.11.09.24

f. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

g. Kết quả thực hiện TTHC: Danh sách viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I

h. Phí, lệ phí: Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp âm thanh viên hạng II khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp âm thanh viên hạng II (hoặc tương đương) ít nhất là đủ 06 năm. Trường hợp có thời gian tương đương với chức danh nghề nghiệp âm thanh viên hạng II thì phải có ít nhất đủ 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp âm thanh viên hạng II tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng (nếu thời gian giữ chức danh nghề nghiệp âm thanh viên hạng II không liên tục thì được cộng dồn).

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp âm thanh viên hạng II (hoặc tương đương) đã chủ trì hoặc tham gia thực hiện ít nhất 02 (hai) tác phẩm đạt giải thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh; hoặc chủ trì ít nhất 02 (hai) đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành cấp bộ, cấp tỉnh trở lên mà cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp âm thanh viên hạng II (hoặc tương đương) được tặng bằng khen hoặc đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.

- Khi đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm trước liền kề;

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành âm thanh viên;

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành âm thanh, điện tử - viễn thông;

- Có đủ tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp âm thanh viên (hạng I)

k. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;
- Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông;
- Thông tư số 07/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT.
- Thông tư số 12/2024/TT-BTTTT ngày 23/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông.
- Quyết định của UBND tỉnh về phân cấp sử dụng và quản lý viên chức.

30. Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành phát thanh viên lên chức danh phát thanh viên hạng III

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Triển khai đăng ký nhu cầu đến các đơn vị, tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

Bước 2: Xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, góp ý các cơ quan, đơn vị;

Bước 3: Trình UBND xin ý kiến phê duyệt và theo thẩm quyền phân cấp của UBND tỉnh, tiến hành các bước như sau:

- Lập kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- Thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và các ban;
- Thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- Kiểm tra, giám sát việc tổ chức xét của Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.
- Thông báo kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.
- Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo phân cấp.
- Tổng hợp báo cáo và lưu trữ hồ sơ tại đơn vị.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại đơn vị.
- Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản
- Dịch vụ bưu chính

(Đơn vị tổng hợp và nộp hồ sơ về cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

+ Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo mẫu số 2 và có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng hoặc quản lý viên chức (được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức);

+ Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chứng thực (sao y công chứng);

+ Bản sao các quyết định: Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức, nâng lương gần nhất;

+ Các Yêu cầu khác theo quy định về tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp mà viên chức dự xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết:

Theo Kế hoạch, thông báo của Cơ quan được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp phát thanh viên hạng IV, Mã số: V.11.10.30

f. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

g. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

h. Phí, lệ phí: Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phát thanh viên hạng III khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp phát thanh viên hạng IV hoặc tương đương tối thiểu là 02 năm (đủ 24 tháng, không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trường hợp khi tuyển dụng có trình độ cao đẳng trở lên, 03 năm (đủ 36 tháng) (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trường hợp khi tuyển dụng có trình độ trung cấp. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp phát thanh viên hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

- Khi đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm trước liền kề;

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành phát thanh viên;

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên;

- Có đủ tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp phát thanh viên (hạng III)

k. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông;

- Thông tư số 07/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT.

- Thông tư số 12/2024/TT-BTTTT ngày 23/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông.

- Quyết định của UBND tỉnh về phân cấp sử dụng và quản lý viên chức.

31. Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành phát thanh viên lên chức danh phát thanh viên hạng II

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Triển khai đăng ký nhu cầu đến các đơn vị, tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

Bước 2: Xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, góp ý các cơ quan, đơn vị;

Bước 3: Trình UBND xin ý kiến phê duyệt và theo thẩm quyền phân cấp của UBND tỉnh, tiến hành các bước như sau:

- Lập kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- Thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và các ban;
- Thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- Kiểm tra, giám sát việc tổ chức xét của Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.
- Thông báo kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.
- Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo phân cấp.
- Tổng hợp báo cáo và lưu trữ hồ sơ tại đơn vị.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại đơn vị.
- Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản
- Dịch vụ bưu chính

(Đơn vị tổng hợp và nộp hồ sơ về cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
 - + Đơn đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
 - + Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo mẫu số 2 và có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng hoặc quản lý viên chức (được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức);

+ Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chứng thực (sao y công chứng);

+ Bản sao các quyết định: Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức, nâng lương gần nhất;

+ Văn bản minh chứng việc chủ trì hoặc tham gia đọc ít nhất 01 (một) tác phẩm đạt giải thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh; hoặc tham gia viết chuyên đề trong ít nhất 01 (một) đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành cấp cơ sở trở lên mà cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.

+ Bản sao bằng khen hoặc đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc 02 lần đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.

+ Các Yêu cầu khác theo quy định về tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp mà viên chức dự xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết:

Theo Kế hoạch, thông báo của Cơ quan được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp phát thanh viên hạng III, Mã số: V.11.10.29

f. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

g. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

h. Phí, lệ phí: Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phát thanh viên hạng II khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp phát thanh viên hạng III (hoặc tương đương) ít nhất là đủ 09 năm (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với chức danh nghề nghiệp phát thanh viên hạng III

thì phải có ít nhất đủ 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp phát thanh viên hạng III tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng (nếu thời gian giữ chức danh nghề nghiệp phát thanh viên hạng III không liên tục thì được cộng dồn).

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp phát thanh viên hạng III (hoặc tương đương) đã chủ trì hoặc tham gia đọc ít nhất 01 (một) tác phẩm đạt giải thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh; hoặc tham gia viết chuyên đề trong ít nhất 01 (một) đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành cấp cơ sở trở lên mà cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp phát thanh viên hạng III (hoặc tương đương) được tặng bằng khen hoặc đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc 02 lần đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.

- Khi đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm trước liền kề;

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành phát thanh viên;

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên;

- Có đủ tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp phát thanh viên (hạng II)

k. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông;

- Thông tư số 07/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT.

- Thông tư số 12/2024/TT-BTTTT ngày 23/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông.

- Quyết định của UBND tỉnh về phân cấp sử dụng và quản lý viên chức.

32. Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành phát thanh viên lên chức danh phát thanh viên hạng I

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Triển khai đăng ký nhu cầu đến các đơn vị, tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Bước 2: Các cơ quan, đơn vị gửi đăng ký nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp về cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền thẩm định việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Bước 3: Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền thẩm định việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tổng hợp, rà soát, thẩm định đối với điều kiện, tiêu chuẩn của viên chức đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I. Trên cơ sở, danh sách viên chức đã được tổng hợp báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đăng ký danh sách viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại đơn vị.
- Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản
- Dịch vụ bưu chính

(Đơn vị tổng hợp và nộp hồ sơ về cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

+ Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo mẫu số 2 và có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng hoặc quản lý viên chức (được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức);

+ Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong

thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chứng thực (sao y công chứng);

+ Bản sao các quyết định: Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức, nâng lương gần nhất;

+ Văn bản minh chứng việc chủ trì hoặc tham gia đọc ít nhất 02 (hai) tác phẩm đạt giải thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh; hoặc chủ trì ít nhất 02 (hai) đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành cấp bộ, cấp tỉnh trở lên mà cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.

+ Bản sao bằng khen hoặc đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.

+ Các Yêu cầu khác theo quy định về tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp mà viên chức dự xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: Theo Kế hoạch, thông báo của Cơ quan được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành.

e. Đối tượng thực hiện TTHC:

Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp biên dịch viên hạng II, Mã số: V.11.10.28

f. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

g. Kết quả thực hiện TTHC: Danh sách viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I

h. Phí, lệ phí: Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phát thanh viên hạng I khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp phát thanh viên hạng II (hoặc tương đương) ít nhất là đủ 06 năm. Trường hợp có thời gian tương đương với chức danh nghề nghiệp phát thanh viên hạng II thì phải có ít nhất đủ 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp phát thanh viên hạng II tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ

đăng ký dự xét thăng hạng (nếu thời gian giữ chức danh nghề nghiệp phát thanh viên hạng II không liên tục thì được cộng dồn).

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp phát thanh viên hạng II (hoặc tương đương) đã chủ trì hoặc tham gia đọc ít nhất 02 (hai) tác phẩm đạt giải thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh; hoặc chủ trì ít nhất 02 (hai) đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành cấp cấp bộ, cấp tỉnh trở lên mà cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp phát thanh viên hạng III (hoặc tương đương) được tặng bằng khen hoặc đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.

- Khi đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm trước liền kề;

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành phát thanh viên;

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên;

- Có đủ tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp phát thanh viên (hạng I)

k. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông;

- Thông tư số 07/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT.

- Thông tư số 12/2024/TT-BTTTT ngày 23/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông.

- Quyết định của UBND tỉnh về phân cấp sử dụng và quản lý viên chức.

33. Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành kỹ thuật dựng phim lên chức danh kỹ thuật dựng phim hạng III

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Triển khai đăng ký nhu cầu đến các đơn vị, tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

Bước 2: Xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, góp ý các cơ quan, đơn vị;

Bước 3: Trình UBND xin ý kiến phê duyệt và theo thẩm quyền phân cấp của UBND tỉnh, tiến hành các bước như sau:

- Lập kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- Thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và các ban;
- Thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- Kiểm tra, giám sát việc tổ chức xét của Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.
- Thông báo kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.
- Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo phân cấp.
- Tổng hợp báo cáo và lưu trữ hồ sơ tại đơn vị.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại đơn vị.
- Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản
- Dịch vụ bưu chính

(Đơn vị tổng hợp và nộp hồ sơ về cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

+ Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo mẫu số 2 và có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng hoặc quản lý viên chức (được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức);

+ Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong

thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chứng thực (sao y công chứng);

+ Bản sao các quyết định: Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức, nâng lương gần nhất;

+ Các Yêu cầu khác theo quy định về tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp mà viên chức dự xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết:

Theo Kế hoạch, thông báo của Cơ quan được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật dựng phim hạng IV, Mã số: V.11.11.34

f. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

g. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

h. Phí, lệ phí: Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp kỹ thuật dựng phim hạng III khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật dựng phim hạng IV hoặc tương đương tối thiểu là 02 năm (đủ 24 tháng, không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trường hợp khi tuyển dụng có trình độ cao đẳng trở lên, 03 năm (đủ 36 tháng) (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trường hợp khi tuyển dụng có trình độ trung cấp. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật dựng phim hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

- Khi đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm trước liền kề;

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kỹ thuật dựng phim;

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành kỹ thuật sản xuất chương trình truyền hình, công nghệ truyền hình, công nghệ truyền thông, truyền thông đa phương tiện. Trường hợp tốt nghiệp đại học ngành khác thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dựng phim hoặc có bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng chuyên ngành dựng phim, kỹ thuật sản xuất chương trình truyền hình, công nghệ truyền hình, công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông;

- Có đủ tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp kỹ thuật dựng phim (hạng III)

k. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông;

- Thông tư số 07/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT.

- Thông tư số 12/2024/TT-BTTTT ngày 23/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông.

- Quyết định của UBND tỉnh về phân cấp sử dụng và quản lý viên chức.

34. Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành kỹ thuật dựng phim lên chức danh kỹ thuật dựng phim hạng II

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Triển khai đăng ký nhu cầu đến các đơn vị, tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

Bước 2: Xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, góp ý các cơ quan, đơn vị;

Bước 3: Trình UBND xin ý kiến phê duyệt và theo thẩm quyền phân cấp của UBND tỉnh, tiến hành các bước như sau:

- Lập kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và các ban;
- Thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- Kiểm tra, giám sát việc tổ chức xét của Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.
- Thông báo kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.
- Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo phân cấp.
- Tổng hợp báo cáo và lưu trữ hồ sơ tại đơn vị.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại đơn vị.
- Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản
- Dịch vụ bưu chính

(Đơn vị tổng hợp và nộp hồ sơ về cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
 - + Đơn đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
 - + Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo mẫu số 2 và có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng hoặc quản lý viên chức (được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức);
 - + Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;
 - + Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chứng thực (sao y công chứng);
 - + Bản sao các quyết định: Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức, nâng lương gần nhất;
 - + Văn bản minh chứng việc chủ trì hoặc tham gia dựn phim ít nhất 01 (một) tác phẩm đạt giải thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh; hoặc tham gia viết chuyên đề trong ít nhất 01 (một) đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành cấp cơ sở trở lên mà cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.

+ Bản sao bằng khen hoặc đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc 02 lần đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.

+ Các Yêu cầu khác theo quy định về tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp mà viên chức dự xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết:

Theo Kế hoạch, thông báo của Cơ quan được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật dựng phim hạng III, Mã số: V.11.11.33

f. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

g. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

h. Phí, lệ phí: Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp kỹ thuật dựng phim hạng II khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật dựng phim hạng III (hoặc tương đương) ít nhất là đủ 09 năm (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với chức danh nghề nghiệp kỹ thuật dựng phim hạng III thì phải có ít nhất đủ 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật dựng phim hạng III tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng (nếu thời gian giữ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật dựng phim hạng III không liên tục thì được cộng dồn).

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật dựng phim hạng III (hoặc tương đương) đã chủ trì hoặc tham gia dựng phim ít nhất 01 (một) tác phẩm đạt giải thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh; hoặc tham gia viết chuyên đề trong ít nhất 01 (một) đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành cấp cơ sở trở lên mà cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật dựng phim hạng III (hoặc tương đương) được tặng bằng khen hoặc đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc 02 lần đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.

- Khi đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;
- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm trước liền kề;
- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức;
- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kỹ thuật dựng phim;
- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành kỹ thuật sản xuất chương trình truyền hình, công nghệ truyền hình, công nghệ truyền thông, truyền thông đa phương tiện. Trường hợp tốt nghiệp đại học ngành khác thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dựng phim hoặc có bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng chuyên ngành dựng phim, kỹ thuật sản xuất chương trình truyền hình, công nghệ truyền hình, công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông;
- Có đủ tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp kỹ thuật dựng phim (hạng II)

k. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;
- Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông;
- Thông tư số 07/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT.
- Thông tư số 12/2024/TT-BTTTT ngày 23/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông.
- Quyết định của UBND tỉnh về phân cấp sử dụng và quản lý viên chức.

35. Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành kỹ thuật dựng phim lên chức danh kỹ thuật dựng phim hạng I.

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Triển khai đăng ký nhu cầu đến các đơn vị, tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Bước 2: Các cơ quan, đơn vị gửi đăng ký nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp về cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền thẩm định việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Bước 3: Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền thẩm định việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tổng hợp, rà soát, thẩm định đối với điều kiện, tiêu chuẩn của viên chức đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I. Trên cơ sở, danh sách viên chức đã được tổng hợp báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đăng ký danh sách viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại đơn vị.
- Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản
- Dịch vụ bưu chính

(Đơn vị tổng hợp và nộp hồ sơ về cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

+ Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo mẫu số 2 và có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng hoặc quản lý viên chức (được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức);

+ Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chứng thực (sao y công chứng);

+ Bản sao các quyết định: Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức, nâng lương gần nhất;

+ Văn bản minh chứng việc chủ trì hoặc tham gia dựn phim ít nhất 02 (hai) tác phẩm đạt giải thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh; hoặc chủ trì ít nhất 02 (hai) đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành cấp cơ sở trở lên mà cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.

+ Bản sao bằng khen hoặc đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.

+ Các Yêu cầu khác theo quy định về tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp mà viên chức dự xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: Theo Kế hoạch, thông báo của Cơ quan được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật dựng phim hạng II, Mã số: V.11.11.32

f. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

g. Kết quả thực hiện TTHC: Danh sách viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I

h. Phí, lệ phí: Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp kỹ thuật dựng phim hạng I khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật dựng phim hạng II (hoặc tương đương) ít nhất là đủ 06 năm. Trường hợp có thời gian tương đương với chức danh nghề nghiệp kỹ thuật dựng phim hạng II thì phải có ít nhất đủ 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật dựng phim hạng II tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng (nếu thời gian giữ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật dựng phim hạng II không liên tục thì được cộng dồn).

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật dựng phim hạng II (hoặc tương đương) đã chủ trì hoặc tham gia dựng phim ít nhất 02 (hai) tác phẩm đạt giải thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh; hoặc chủ trì ít nhất 02 (hai) đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành cấp cơ sở trở lên mà cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật dựng phim hạng II (hoặc tương đương) được tặng bằng khen hoặc đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.

- Khi đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm trước liền kề;
- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức;
- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kỹ thuật dựng phim;
- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành kỹ thuật sản xuất chương trình truyền hình, công nghệ truyền hình, công nghệ truyền thông, truyền thông đa phương tiện. Trường hợp tốt nghiệp đại học ngành khác thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dựng phim hoặc có bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng chuyên ngành dựng phim, kỹ thuật sản xuất chương trình truyền hình, công nghệ truyền hình, công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông;
- Có đủ tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp kỹ thuật dựng phim (hạng I)

k. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;
- Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông;
- Thông tư số 07/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT.
- Thông tư số 12/2024/TT-BTTTT ngày 23/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông.
- Quyết định của UBND tỉnh về phân cấp sử dụng và quản lý viên chức.

36. Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành quay phim lên chức danh quay phim hạng III

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Triển khai đăng ký nhu cầu đến các đơn vị, tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

Bước 2: Xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, góp ý các cơ quan, đơn vị;

Bước 3: Trình UBND xin ý kiến phê duyệt và theo thẩm quyền phân cấp của UBND tỉnh, tiến hành các bước như sau:

- Lập kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- Thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và các ban;
- Thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- Kiểm tra, giám sát việc tổ chức xét của Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.
- Thông báo kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.
- Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo phân cấp.
- Tổng hợp báo cáo và lưu trữ hồ sơ tại đơn vị.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại đơn vị.
- Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản
- Dịch vụ bưu chính

(Đơn vị tổng hợp và nộp hồ sơ về cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

+ Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo mẫu số 2 và có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng hoặc quản lý viên chức (được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức);

+ Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chứng thực (sao y công chứng);

+ Bản sao các quyết định: Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức, nâng lương gần nhất;

+ Các Yêu cầu khác theo quy định về tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp mà viên chức dự xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết:

Theo Kế hoạch, thông báo của Cơ quan được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp quay phim hạng IV, Mã số: V.11.12.38

f. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

g. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

h. Phí, lệ phí: Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp quay phim hạng III khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp quay phim hạng IV hoặc tương đương tối thiểu là 02 năm (đủ 24 tháng, không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trường hợp khi tuyển dụng có trình độ cao đẳng trở lên, 03 năm (đủ 36 tháng) (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trường hợp khi tuyển dụng có trình độ trung cấp. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp quay phim hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

- Khi đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm trước liền kề;

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quay phim;

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành quay phim;

- Có đủ tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp quay phim (hạng III)

k. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông;

- Thông tư số 07/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT.

- Thông tư số 12/2024/TT-BTTTT ngày 23/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông.

- Quyết định của UBND tỉnh về phân cấp sử dụng và quản lý viên chức.

37. Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành quay phim lên chức danh quay phim hạng II

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Triển khai đăng ký nhu cầu đến các đơn vị, tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

Bước 2: Xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, góp ý các cơ quan, đơn vị;

Bước 3: Trình UBND xin ý kiến phê duyệt và theo thẩm quyền phân cấp của UBND tỉnh, tiến hành các bước như sau:

- Lập kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- Thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và các ban;
- Thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- Kiểm tra, giám sát việc tổ chức xét của Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.
- Thông báo kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.
- Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo phân cấp.
- Tổng hợp báo cáo và lưu trữ hồ sơ tại đơn vị.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại đơn vị.
- Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản
- Dịch vụ bưu chính

(Đơn vị tổng hợp và nộp hồ sơ về cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
 - + Đơn đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
 - + Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo mẫu số 2 và có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng hoặc quản lý viên chức (được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức);
 - + Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;
 - + Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chứng thực (sao y công chứng);
 - + Bản sao các quyết định: Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức, nâng lương gần nhất;
 - + Văn bản minh chứng việc chủ trì hoặc tham gia quay phim ít nhất 01 (một) tác phẩm đạt giải thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc tham gia viết chuyên đề trong ít nhất 01 (một) đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành cấp cơ sở trở lên mà cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.
 - + Bản sao bằng khen hoặc đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc 02 lần đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.
 - + Các Yêu cầu khác theo quy định về tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp mà viên chức dự xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết:

Theo Kế hoạch, thông báo của Cơ quan được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp quay phim hạng III, Mã số: V.11.12.37

f. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

g. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

h. Phí, lệ phí: Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp quay phim hạng II khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp quay phim hạng III (hoặc tương đương) ít nhất là đủ 09 năm (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với chức danh nghề nghiệp quay phim hạng III thì phải có ít nhất đủ 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp quay phim hạng III tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng (nếu thời gian giữ chức danh nghề nghiệp quay phim hạng III không liên tục thì được cộng dồn).

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp quay phim hạng III (hoặc tương đương) đã chủ trì hoặc tham gia quay phim ít nhất 01 (một) tác phẩm đạt giải thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc tham gia viết chuyên đề trong ít nhất 01 (một) đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành cấp cơ sở trở lên mà cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp quay phim hạng III (hoặc tương đương) được tặng bằng khen hoặc đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc 02 lần đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.

- Khi đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm trước liền kề;

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quay phim;

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành quay phim;

- Có đủ tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp quay phim (hạng II)

k. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;
- Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông;
- Thông tư số 07/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT.
- Thông tư số 12/2024/TT-BTTTT ngày 23/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông.
- Quyết định của UBND tỉnh về phân cấp sử dụng và quản lý viên chức.

38. Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành quay phim lên chức danh quay phim hạng I.

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Triển khai đăng ký nhu cầu đến các đơn vị, tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Bước 2: Các cơ quan, đơn vị gửi đăng ký nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp về cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền thẩm định việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Bước 3: Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền thẩm định việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tổng hợp, rà soát, thẩm định đối với điều kiện, tiêu chuẩn của viên chức đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I. Trên cơ sở, danh sách viên chức đã được tổng hợp báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đăng ký danh sách viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại đơn vị.
- Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản
- Dịch vụ bưu chính

(Đơn vị tổng hợp và nộp hồ sơ về cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

+ Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo mẫu số 2 và có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng hoặc quản lý viên chức (được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức);

+ Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chứng thực (sao y công chứng);

+ Bản sao các quyết định: Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức, nâng lương gần nhất;

+ Văn bản minh chứng việc chủ trì hoặc tham gia quay phim ít nhất 02 (hai) tác phẩm đạt giải thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc chủ trì ít nhất 02 (hai) đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành cấp cơ sở trở lên mà cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.

+ Bản sao bằng khen hoặc đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.

+ Các Yêu cầu khác theo quy định về tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp mà viên chức dự xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: Theo Kế hoạch, thông báo của Cơ quan được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp quay phim hạng II, Mã số: V.11.12.36

f. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

g. Kết quả thực hiện TTHC: Danh sách viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I

h. Phí, lệ phí: Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp quay phim hạng I khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp quay phim hạng II (hoặc tương đương) ít nhất là đủ 06 năm. Trường hợp có thời gian tương đương với chức danh nghề nghiệp quay phim hạng II thì phải có ít nhất đủ 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp quay phim hạng II tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng (nếu thời gian giữ chức danh nghề nghiệp quay phim hạng II không liên tục thì được cộng dồn).

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp quay phim hạng III (hoặc tương đương) đã chủ trì hoặc tham gia quay phim ít nhất 02 (hai) tác phẩm đạt giải thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc chủ trì ít nhất 02 (hai) đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành cấp cơ sở trở lên mà cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp quay phim hạng II (hoặc tương đương) được tặng bằng khen hoặc đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.

- Khi đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm trước liền kề;

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quay phim;

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành quay phim;

- Có đủ tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp quay phim (hạng I)

k. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông;

- Thông tư số 07/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT.

- Thông tư số 12/2024/TT-BTTTT ngày 23/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông.

- Quyết định của UBND tỉnh về phân cấp sử dụng và quản lý viên chức.

IV. LĨNH VỰC VIỄN THÔNG

39. Phân bổ điện thoại thông minh

a. Trình tự thực hiện:

+ Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và số lượng điện thoại thông minh do Bộ Thông tin và Truyền thông phân bổ, Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh:

- Quyết định tiêu chí, cách phân bổ điện thoại thông minh cho UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh;

- Cụ thể hóa, bổ sung tiêu chí ưu tiên hộ gia đình thuộc đối tượng được nhận hỗ trợ trang bị điện thoại thông minh; quy định trình tự, thủ tục và chỉ đạo công tác xét chọn, đề xuất danh sách hộ gia đình được nhận hỗ trợ trang bị điện thoại thông minh tại địa phương; đảm bảo đúng đối tượng theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 14/2022/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và theo các tiêu chí ưu tiên của;

- Phê duyệt danh sách hộ gia đình tại địa phương được nhận hỗ trợ trang bị điện thoại thông minh và gửi Bộ Thông tin và Truyền thông theo *Mẫu số 02/DS-ĐTTM, Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 14/2022/TT-BTTTT* của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

+ Doanh nghiệp viễn thông căn cứ danh sách hộ gia đình tại địa phương được nhận hỗ trợ trang bị điện thoại thông minh do UBND tỉnh phê duyệt thực hiện đăng ký kế hoạch nhận đặt hàng hỗ trợ trang bị điện thoại với Bộ Thông tin và Truyền thông (theo hai phương thức: Hỗ trợ bằng tiền hoặc hỗ trợ trang bị điện thoại thông minh kết hợp với hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông di động mặt đất. Đối với hỗ trợ trang bị điện thoại thông minh kết hợp với hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông di động mặt đất phải lập đề án trình Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét phê duyệt).

+ Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét kế hoạch nhận đặt hàng hỗ trợ trang bị điện thoại và ký Hợp đồng đặt hàng hỗ trợ trang bị điện thoại thông minh cho hộ nghèo, cận nghèo với Doanh nghiệp viễn thông.

+ Hộ gia đình thuộc danh sách được nhận hỗ trợ trang bị điện thoại thông minh do UBND cấp tỉnh phê duyệt thực hiện đăng ký hồ sơ nhận hỗ trợ trang bị điện thoại thông minh với doanh nghiệp viễn thông tại tỉnh theo hình thức: Hỗ trợ bằng tiền hoặc hỗ trợ trang bị điện thoại thông minh kết hợp với hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông di động mặt đất.

+ Hàng tháng, các doanh nghiệp viễn thông căn cứ hợp đồng đặt hàng hỗ trợ trang bị điện thoại thông minh thực hiện rà soát hồ sơ và lập danh sách hộ gia đình đăng ký nhận hỗ trợ điện thoại thông minh tại doanh nghiệp trong tháng theo *Mẫu số 09/DS-ĐKĐTTM, Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 14/2022/TT-BTTTT*, gửi Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam (DVVTCI).

+ Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam thực hiện rà soát, xác nhận các hộ gia đình đủ điều kiện nhận hỗ trợ điện thoại thông minh và gửi lại doanh nghiệp viễn thông. Trường hợp, phát hiện hộ gia đình đăng ký nhận hỗ trợ trang bị điện thoại thông minh tại 02 doanh nghiệp trở lên, Quỹ DVVTCI Việt Nam thông báo cho các doanh nghiệp liên quan chưa hỗ trợ cho các hộ gia đình này.

+ Căn cứ xác nhận của Quỹ DVVTCI Việt Nam, doanh nghiệp hỗ trợ bằng tiền cho hộ gia đình hoặc hỗ trợ trang bị điện thoại thông minh kết hợp với hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông di động mặt đất và lập phiếu chi tiền hỗ trợ trang bị điện thoại thông minh cho hộ gia đình. Đối với các trường hợp hộ gia đình đăng ký nhận hỗ trợ tại 02 doanh nghiệp trở lên theo thông báo của Quỹ, doanh nghiệp thông báo cho hộ gia đình biết để thực hiện lựa chọn nhận hỗ trợ tại 01 doanh nghiệp theo đúng quy định.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Sở Thông tin và Truyền thông.
- Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc).
- Nộp qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần hồ sơ:

Thành phần hồ sơ:

- Danh sách hộ gia đình được nhận hỗ trợ trang bị điện thoại thông minh do UBND cấp tỉnh phê duyệt;

- Kế hoạch nhận đặt hàng hỗ trợ trang bị điện thoại thông minh;
- Hợp đồng đặt hàng hỗ trợ trang bị điện thoại thông minh;
- Hồ sơ nhận hỗ trợ trang bị điện thoại thông minh của hộ gia đình:

+ Bản sao CMND hoặc CCCD của chủ hộ hoặc của người đại diện hộ gia đình nhận hỗ trợ;

+ Bản sao được chứng thực Giấy chứng nhận hộ nghèo, cận nghèo đang trong thời gian chưa thoát nghèo;

+ Hóa đơn mua điện thoại thông minh (đối với trường hợp nhận hỗ trợ bằng tiền);

- Danh sách hộ gia đình đăng ký nhận hỗ trợ điện thoại thông minh tại doanh nghiệp viễn thông;

- Xác nhận Danh sách hộ gia đình đủ điều kiện nhận hỗ trợ điện thoại thông minh;

- Phiếu chi tiền hỗ trợ trang bị điện thoại thông minh cho hộ gia đình.

Số lượng hồ sơ 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: Không quy định

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Hộ nghèo, hộ cận nghèo

f. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Thông tin và Truyền thông.

g. Kết quả thực hiện TTHC: Hỗ trợ trang bị điện thoại thông minh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

h. Phí, lệ phí: Không

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: *Mẫu số 02/DS-ĐTTM và Mẫu số 09/DS-ĐKĐTTM Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 14/2022/TT-BTTTT.*

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Đối tượng nhận hỗ trợ là hộ nghèo, hộ cận nghèo đáp ứng điều kiện được hỗ trợ:

- Hộ gia đình chưa được hỗ trợ máy tính bảng từ Chương trình hoặc thiết bị học tập trực tuyến (máy tính bảng, máy tính để bàn, máy tính xách tay) thuộc Chương trình “Sóng và máy tính cho em” (tính đến thời điểm Bộ Thông tin và Truyền thông phân bổ số lượng điện thoại thông minh cho các địa phương);

- Hộ gia đình có nhu cầu hỗ trợ và được cấp có thẩm quyền phê duyệt danh sách nhận hỗ trợ.

Đối với trường hợp nhận hỗ trợ bằng tiền: có hóa đơn mua điện thoại thông minh của Hộ gia đình từ thời điểm Thông tư 14/2022/TT-BTTTT có hiệu lực (từ ngày 12/12/2022).

k. Căn cứ pháp lý của TTHC:

Thông tư số 14/2022/TT-BTTTT ngày 28/10/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định danh mục, chất lượng dịch vụ viễn thông công ích và hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025.

Mẫu số 02/DS - ĐTTM, Phụ lục I
(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2022/TT-BTTTT)

UBND tỉnh, thành phố

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH ĐƯỢC NHẬN HỖ TRỢ CHI PHÍ TRANG BỊ ĐIỆN
THOẠI THÔNG MINH**

Năm.....

STT	Mã huyện, xã	Tên huyện, xã	Họ và tên chủ hộ	CMND/ CCCD/ Mã số định danh của chủ hộ	Địa chỉ	Đối tượng hộ gia đình	Ghi chú
A	B	C	D	I	2	3	4
1	734	Huyện Tân Phú					
2	26116	Xã Đắc Lua					
..	...	...					

....., ngày ... tháng ... năm

Chủ tịch UBND tỉnh

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hàng tháng, các doanh nghiệp viễn thông căn cứ Danh sách hộ gia đình được hỗ trợ trang bị điện thoại thông minh do UBND cấp tỉnh phê duyệt lập Danh sách này và gửi về Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam để xác nhận.

Hướng dẫn cách ghi biểu:

- Cột (A): Ghi số thứ tự.
- Cột (B): Ghi mã huyện, mã xã theo quy định tại Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004. Trường hợp địa phương sát nhập hoặc chia tách đơn vị hành chính (không thuộc phạm vi của Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg) thì ghi mã đơn vị hành chính chia tách, sát nhập theo quy định tại các Quyết định bổ sung.
- Cột (C): Ghi tên huyện, tên xã theo quy định tại Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004. Trường hợp địa phương sát nhập hoặc chia tách đơn vị hành chính (không thuộc phạm vi của Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg) thì ghi tên đơn vị hành chính chia tách, sát nhập theo quy định tại các Quyết định bổ sung.
- Cột (D): Ghi họ tên chủ hộ.
- Cột (1): Ghi số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc mã số định danh cá nhân của chủ hộ.
- Cột (2): Ghi rõ số nhà, đường phố, tổ dân phố, thôn, bản,
- Cột (3): Đối tượng hộ gia đình được ghi như sau:
 - + ĐT1: Là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo, đồng thời là hộ gia đình chính sách có công.
 - + ĐT2: Là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo, đồng thời là hộ gia đình chính sách xã hội.
 - + ĐT3: Là hộ nghèo (không thuộc ĐT1 và ĐT2).
 - + ĐT4: Là hộ cận nghèo (không thuộc ĐT1 và ĐT2)

Doanh nghiệp:.....

Mẫu số 09/DS-ĐKĐTTM, Phụ lục I
(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2022/TT-BTTTT)

DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH ĐĂNG KÝ HỖ TRỢ TRANG BỊ ĐIỆN THOẠI THÔNG MINH

Tỉnh:

Tháng....

STT	Mã huyện, xã	Tên chủ hộ	Số CMND/CCCD/Mã số định danh chủ hộ	Địa chỉ	Đối tượng hỗ trợ	Đăng ký hình thức hỗ trợ		Ghi chú
						Bằng tiền	Thông qua gói dịch vụ hỗ trợ kết hợp	
A	B	C	1	2	3	4	5	6
1								
2								
...								

....., ngày.....tháng năm

...

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Hàng tháng, các doanh nghiệp viễn thông căn cứ Danh sách hộ gia đình được hỗ trợ trang bị điện thoại thông minh do UBND cấp tỉnh phê duyệt lập Danh sách này và gửi về Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam để xác nhận.

Hướng dẫn cách ghi biểu:

- Cột A: Ghi số thứ tự của hộ.
- Cột B: Ghi mã huyện, mã xã theo quy định tại Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004. Trường hợp địa phương sát nhập hoặc chia tách đơn vị hành chính (không thuộc phạm vi của Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg) thì ghi mã đơn vị hành chính chia tách, sát nhập theo quy định tại các Quyết định bổ sung.
- Cột C: Ghi họ và tên của chủ hộ.
- Cột (1): Ghi Số Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Mã số định danh của chủ hộ.
- Cột (2): Ghi rõ địa chỉ (thôn/bản/làng...), là chỗ ở hiện tại của hộ gia đình.
- Cột (3): Ghi mã loại đối tượng hỗ trợ như sau:
 - + ĐT1: Là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo, đồng thời là hộ gia đình chính sách có công.
 - + ĐT2: Là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo, đồng thời là hộ gia đình chính sách xã hội.
 - + ĐT3: Là hộ nghèo (không thuộc ĐT1 và ĐT2).
 - + ĐT4: Là hộ cận nghèo (không thuộc ĐT1 và ĐT2).
- Cột (4): Đánh dấu [X] nếu hộ gia đình đăng ký hỗ trợ trang bị điện thoại thông minh bằng tiền mặt.
- Cột (5): Đánh dấu [X] nếu hộ gia đình đăng ký hỗ trợ trang bị điện thoại thông minh thông qua gói dịch vụ kết hợp.

V. LĨNH VỰC THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI

40. Cung cấp thông tin giải thích, làm rõ các thông tin sai lệch

a. Trình tự thực hiện:

- UBND cấp tỉnh khi phát hiện hoặc nhận được thông tin, tài liệu, báo cáo sai lệch ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh của tỉnh, thành phố, có trách nhiệm thông báo tới Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan để phục vụ công tác quản lý.
- UBND cấp tỉnh chủ động triển khai các biện pháp thông tin, tuyên truyền để bảo vệ và nâng cao uy tín, hình ảnh của tỉnh, thành phố thông qua các hình thức sau đây:

+ Ban hành Thông cáo báo chí giải thích, làm rõ thông tin sai lệch; người phát ngôn của UBND cấp tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh; UBND cấp huyện, phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí trên địa bàn tỉnh, thành phố;

+ Cử đại diện lãnh đạo hoặc người phát ngôn tham dự giao ban báo chí do Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Hội Nhà báo Việt Nam tổ chức để cung cấp thông tin giải thích, làm rõ cho các cơ quan báo chí khi Bộ Thông tin và Truyền thông yêu cầu;

+ Đăng tải thông tin giải thích, làm rõ trên cổng/trang thông tin điện tử của UBND cấp tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh; UBND cấp huyện; các sản phẩm truyền thông của các cơ quan thông tấn, báo chí và các phương tiện khác, bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài;

+ Cung cấp thông tin để các cơ quan thông tấn, báo chí giải thích làm rõ, đấu tranh với các thông tin sai lệch;

+ Tổ chức cung cấp thông tin cho các lực lượng tham gia hoạt động thông tin đối ngoại và đồng bào ở khu vực biên giới, gồm các nội dung: Giải thích, làm rõ các thông tin sai lệch; quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa Việt Nam với các nước có chung đường biên giới.

- Thông tin có nội dung bí mật nhà nước phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.
- Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc).
- Nộp qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Văn bản thông báo của UBND cấp tỉnh.
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: Không

e. Đối tượng thực hiện TTHC: UBND tỉnh Đồng Nai.

f. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Thông tin và Truyền thông.

g. Kết quả thực TTHC: Các biện pháp thông tin, tuyên truyền để bảo vệ và nâng cao uy tín, hình ảnh của tỉnh, thành phố được triển khai thực hiện.

h. Phí, lệ phí (nếu có): Không

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không

k. Căn cứ pháp lý của TTHC: Thông tư số 22/2016/TT-BTTTT ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn về quản lý hoạt động thông tin đối ngoại của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

VI. LĨNH VỰC THI ĐUA KHEN THƯỞNG

41. Hiệp y khen thưởng đối với Sở Thông tin và Truyền thông

a. Trình tự thực hiện:

- Sở Thông tin và Truyền thông khi trình khen thưởng “Bảng khen của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông”, “Cờ thi đua của Bộ Thông tin và Truyền thông” cho tập thể Sở Thông tin và Truyền thông hoặc Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông gửi hồ sơ đề nghị hiệp y đến UBND tỉnh;
- UBND tỉnh xem xét, cho ý kiến hiệp y khen thưởng.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp;
- Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc).
- Nộp qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ:

- Văn bản xin hiệp y khen thưởng.
- Tờ trình, biên bản của khối cụm thi đua hoặc của đơn vị đề nghị khen thưởng.
- Báo cáo thành tích.

Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d. Thời hạn giải quyết:

Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị hiệp y khen thưởng.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Thông tin và Truyền thông

f. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Thông tin và Truyền thông

g. Kết quả thực hiện TTHC:

Ý kiến hiệp y khen thưởng của UBND tỉnh.

h. Phí, lệ phí: Không

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định

k. Căn cứ pháp lý của TTHC:

Thông tư số 09/2018/TT-BTTTT ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Thông tin và Truyền thông.

42. Hiệp y khen thưởng đối với các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn tỉnh

a. Trình tự thực hiện:

- Các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn các tỉnh khi trình khen thưởng cho tập thể cơ quan, đơn vị hoặc Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thành tích, đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Thông tin và Truyền thông Việt Nam gửi hồ sơ đề nghị hiệp y đến Sở Thông tin và Truyền thông.
- Sở Thông tin và Truyền thông xem xét, cho ý kiến hiệp y khen thưởng.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Sở Thông tin và Truyền thông.
- Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc).
- Nộp qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị hiệp y khen thưởng.
- Tờ trình, biên bản của khối cụm thi đua hoặc của đơn vị đề nghị khen thưởng.
- Báo cáo thành tích.

Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị hiệp y khen thưởng.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn các tỉnh.

f. Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Thông tin và Truyền thông

g. Kết quả thực hiện TTHC: Ý kiến hiệp y khen thưởng của Sở Thông tin và Truyền thông.

h. Phí, lệ phí: Không

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định

k. Căn cứ pháp lý của TTHC: Thông tư số 09/2018/TT-BTTTT ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Thông tin và Truyền thông.

VII. LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH

43. Nộp xuất bản phẩm lưu chiếu đối với xuất bản phẩm dạng in

a. Trình tự thực hiện:

- Chậm nhất là 10 ngày trước khi phát hành, tất cả xuất bản phẩm phải nộp lưu chiếu cho cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản, cụ thể như sau:

+ Cơ quan, tổ chức được Sở Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh phải nộp 02 (hai) bản cho Sở Thông tin và Truyền thông và 01 (một) bản cho Cục Xuất bản, In và Phát hành; trường hợp số lượng in dưới 300 (ba trăm) bản thì nộp 01 (một) bản cho Sở Thông tin và Truyền thông, 01 (một) bản cho Cục Xuất bản, In và Phát hành;

+ Xuất bản phẩm có nội dung thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật thì chỉ nộp tờ khai nộp xuất bản phẩm lưu chiều.

- Mỗi xuất bản phẩm khi nộp lưu chiều phải kèm theo 02 (hai) tờ khai nộp xuất bản phẩm lưu chiều theo mẫu quy định (Mẫu số 12).

Thời điểm nộp xuất bản phẩm lưu chiều được xác định tại phần ký nhận của cơ quan nhận lưu chiều trong tờ khai lưu chiều.

- Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm tổ chức kho lưu chiều để thực hiện lưu giữ xuất bản phẩm lưu chiều trong thời gian 24 tháng để khai thác, sử dụng phục vụ công tác quản lý nhà nước.

Hết thời hạn lưu giữ, Sở Thông tin và Truyền thông được chuyển giao xuất bản phẩm lưu chiều cho cơ quan, tổ chức khác để phục vụ bạn đọc. Việc chuyển giao xuất bản phẩm phải lập thành biên bản và có danh mục xuất bản phẩm kèm theo.

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Sở Thông tin và Truyền thông;
- Nộp qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Thành phần, gồm:*

+ Tờ khai nộp xuất bản phẩm lưu chiều (02 bản);

+ Tài liệu không kinh doanh được Sở Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép xuất bản nộp lưu chiều đúng số lượng quy định và đảm bảo yêu cầu sau: Trên trang in số giấy phép xuất bản, phải có dấu và chữ ký của lãnh đạo cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản hoặc người được lãnh đạo cơ quan, tổ chức ủy quyền bằng văn bản.

- *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: Sau khi nhận đủ hồ sơ theo thành phần và số lượng đã công bố theo quy định.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Cơ quan, tổ chức được Sở cấp giấy phép xuất bản

f. Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Thông tin và Truyền thông.

g. Kết quả thực hiện TTHC: Tờ khai nộp xuất bản phẩm lưu chiều được xác nhận

h. Phí, lệ phí: Không có

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: *Tờ khai nộp xuất bản phẩm lưu chiều và nộp xuất bản phẩm cho Thư viện Quốc gia Việt Nam (Mẫu số 12 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).*

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không

k. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Xuất bản năm 2012;
- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;
- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07/02/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.

44. Nộp xuất bản phẩm lưu chiều đối với xuất bản phẩm điện tử

a. Trình tự thực hiện:

Khi nộp lưu chiều xuất bản phẩm điện tử cho Sở Thông tin và Truyền thông về hoạt động xuất bản, cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản phải nộp xuất bản phẩm điện tử dưới dạng 01 (một) bản ghi trong thiết bị lưu trữ dữ liệu hoặc nộp qua mạng Internet bằng định dạng số theo quy định của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về định dạng tệp tin, âm thanh, hình ảnh và có chữ ký số kèm theo 02 (hai) tờ khai lưu chiều theo mẫu quy định.

Ngoài việc thực hiện quy định trên, cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Có chứng thư số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số cấp để thực hiện nộp lưu chiều xuất bản phẩm qua mạng Internet và đảm bảo tính toàn vẹn của xuất bản phẩm nộp lưu chiều;

- Trường hợp nộp xuất bản phẩm điện tử qua mạng Internet phải thực hiện theo hướng dẫn về cách thức nộp trên Trang thông tin điện tử của Sở Thông tin và Truyền thông;

- Trường hợp xuất bản phẩm điện tử được chứa trong thiết bị lưu trữ dữ liệu thì phải gửi qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Sở Thông tin và Truyền thông.

Chậm nhất là 10 ngày trước khi phát hành, cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản phải nộp lưu chiều xuất bản phẩm điện tử cho cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản, cụ thể như sau:

- Cơ quan, tổ chức được Sở Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh phải nộp lưu chiều xuất bản phẩm điện tử cho Sở Thông tin và Truyền thông và đồng thời gửi cho Cục Xuất bản, In và Phát hành.

- Xuất bản phẩm có nội dung thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật thì chỉ nộp tờ khai nộp xuất bản phẩm lưu chiều.

- Mỗi xuất bản phẩm khi nộp lưu chiều phải kèm theo 02 (hai) tờ khai nộp xuất bản phẩm lưu chiều theo mẫu quy định (Mẫu số 12).

- Thời điểm nộp xuất bản phẩm lưu chiều được xác định tại phần ký nhận của cơ quan nhận lưu chiều trong tờ khai lưu chiều.

- Cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản chỉ được sử dụng xuất bản phẩm điện tử lưu chiều để phục vụ công tác quản lý.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Sở Thông tin và Truyền thông.

- Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Số lượng hồ sơ 01 bộ và Thành phần hồ sơ, gồm:

+ Tờ khai nộp xuất bản phẩm lưu chiều (02 bản);

+ 01 bản ghi trong thiết bị lưu trữ dữ liệu hoặc dữ liệu xuất bản phẩm nộp lưu chiều qua mạng internet định dạng số.

d. Thời hạn giải quyết: Sau khi nhận đủ hồ sơ theo thành phần và số lượng đã công bố theo quy định.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Cơ quan, tổ chức được Sở Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh

f. Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Thông tin và Truyền thông

g. Kết quả thực hiện TTHC: Tờ khai nộp xuất bản phẩm lưu chiều được xác nhận

h. Phí, lệ phí (nếu có): Không có

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: *Tờ khai nộp xuất bản phẩm lưu chiều và nộp xuất bản phẩm cho Thư viện Quốc gia Việt Nam (Mẫu số 12 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).*

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không

k. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Xuất bản năm 2012;

- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;

- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07/02/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản

và Nghị định số định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.

Mẫu số 12

CƠ QUAN CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)
NHÀ XUẤT BẢN/CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

TỜ KHAI
Nộp xuất bản phẩm lưu chiểu

Kính gửi:

I. PHẦN GHI CỦA ĐƠN VỊ NỘP XUẤT BẢN PHẨM

1. Tên xuất bản phẩm nộp lưu chiểu:.....
2. Tên tác giả:..... ; Tên dịch giả, biên dịch (nếu có);
3. Họ và tên biên tập viên:.. ..
4. Số xác nhận đăng ký xuất bản hoặc số giấy phép xuất bản:...ngày...tháng...năm.....
5. Số Quyết định xuất bản (nếu có):.....ngày...tháng.....năm.....
6. Số tập:
7. Lần xuất bản:
8. Ngôn ngữ dịch (nếu là sách dịch):
9. Ngữ xuất bản:
10. Số lượng trang in (hoặc số byte dung lượng):.....trang (.....byte)
11. Khuôn khổ hoặc định dạng tệp:
12. Số lượng in: bản
13. Tên và địa chỉ cơ sở in (nếu chế bản, in, gia công sau in tại nhiều cơ sở in phải ghi đủ thông tin của từng cơ sở in):
14. Giá bán lẻ trên xuất bản phẩm (nếu có):
15. Địa chỉ website đăng tải hoặc tên nhà cung cấp xuất bản phẩm điện tử:
16. Tên và địa chỉ của đối tác liên kết xuất bản (nếu có)
17. Mã số sách chuẩn quốc tế - ISBN (nếu có).....
18. Bản quyền thuộc (Nhà nước, công chúng, đối tác liên kết, nhà xuất bản, tác giả).....
- Thời hạn (vĩnh viễn, có thời hạn).....

NGƯỜI NỘP XUẤT BẢN PHẨM
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC/TGD NXB
(NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CQ, TC)
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

II. PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN NHẬN XUẤT BẢN PHẨM

Đã nhận đủ số lượng xuất bản phẩm theo quy định của Luật xuất bản.

....., ngày.... tháng... năm.....

NGƯỜI NHẬN

(Ký tên và ghi rõ họ tên)